

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Diệp

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO
TẠI CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Bùi Thị Diệp

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Diệp

Mã SV: 1312401080

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH

Tân Việt Cường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1: Tổng quan về hàng tồn kho và kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.	2
1.1.1. Tổng quan về hàng tồn kho	2
1.1.1.1 Khái niệm về hàng tồn kho	2
1.1.1.2 Phân loại về hàng tồn kho trong doanh nghiệp	2
1.1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho	3
1.1.2.1 Vai trò của kế toán hàng tồn kho	3
1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho	4
1.2. Kế toán hàng tồn kho	4
1.2.1 Quy định về kế toán hàng tồn kho	4
1.2.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho trong doanh nghiệp	9
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán hàng tồn kho	9
1.2.2.2. Phương pháp thẻ song song	10
1.2.2.3 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:	12
1.2.2.4 Phương pháp sổ số dư	13
1.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.	14
1.2.3.1. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
1.2.3.2. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	22
1.2.4: Vấn đề kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho	24
1.2.4.1; Khái niệm	24
1.2.4.2. Phương pháp hạch toán khi phát hiện thừa thiếu trong kiểm kê	24
1.2.4.3.Đánh giá lại hàng tồn kho	25
1.2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26
1.2.5.1. Khái niệm	26
1.2.5.2. Nguyên tắc lập	26
1.2.5.3.Chứng từ sử dụng tại công ty TNHH Tân Việt Cường:	27
1.2.5.4. Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính	28

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung	29
1.3.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái.....	30
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	30
1.3.4: Hình thức kế toán trên máy.....	31
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG.....	33
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	33
2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Tân Việt Cường.....	33
2.1.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Tân Việt Cường.....	33
2.1.1.2.Quá trình hình thành và phát triển của công ty	33
2.1.1.3.Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Tân Việt Cường trong quá trình hoạt động.....	34
2.1.2.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	35
2.1.3.Đặc điểm công tác tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	38
2.1.3.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường	38
2.1.3.2. Chế độ và chính sách kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường	40
2.1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Tân Việt Cường	40
2.2.Thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường	41
2.2.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty	41
2.2.2. Chứng từ sử dụng tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	41
2.2.3. Tài khoản sử dụng tại công ty	42
2.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	42
2.2.4.2.Phương pháp hạch toán chi tiết NVL,CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	44
2.2.4.3.Phương pháp hạch toán chi tiết CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	57
2.2.5:Thực tế hạch toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	68
2.2.5.1. Quy trình hạch toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	68

2.2.5.2. Thực tế hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	69
2.2.5.3. Thực tế hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	73
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG	77
3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Tân Việt Cường trong thời gian tới.....	77
3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Tân Việt Cường.	77
3.2.1. Ưu điểm trong công tác quản lý hàng tồn kho tại công ty.....	77
3.2.2. Hạn chế trong công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	79
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	80
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.	80
3.3.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện	81
3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.....	81
3.3.3.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên định kỳ hoặc đột xuất kiểm kê hàng tồn kho.....	81
3.3.3.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	83
3.3.3.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên mở sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ.....	84
3.3.3.4. Ý kiến thứ tư: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán.....	86
3.3.3.5. Ý kiến thứ năm: Công ty nên bố trí và quản lý các thiết bị và công cụ phục vụ cho quá trình phòng cháy chữa cháy.....	90
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.....	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển ..	12
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư	14
Sơ đồ 1.4: Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp KKTX.....	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán công cụ dụng cụ theo phương pháp KKTX	17
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo phương pháp KKTX.....	18
Sơ đồ 1.7: Kế toán thành phẩm theo phương pháp KKTX.....	19
Sơ đồ 1.8: Kế toán hàng hóa theo phương pháp KKTX	20
Sơ đồ 1.9: Kế toán hàng gửi đi bán theo phương pháp KKTX.....	21
Sơ đồ 1.10: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	23
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	29
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái	30
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	31
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	32
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tân Việt Cường	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường ..	39
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH Tân Việt Cường.....	41
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường	44
Sơ đồ 2.5 : Sơ đồ kế toán chi tiết CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường...	57
Sơ đồ 2.6 : Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường	68

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty TNHH Tân Việt Cường trong ba năm 2014, 2015, 2016	34
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0035294	46
Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	47
Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho 32.....	48
Biểu số 2.5 : Ủy nhiệm chi của Ngân hàng.....	49
Biểu 2.6: Giấy báo nợ của ngân hàng	50
Biểu số 2.7: Giấy đề nghị cung cấp vật tư	52
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 115/12	53
Biểu số 2.9: Thẻ kho	54
Biểu 2.10. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	55
Biểu 2.11. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	56
Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT	59
Biểu số 2.13: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	60
Biểu số 2.14: Phiếu nhập kho 37.....	61
Biểu 2.15: Phiếu chi 09/12	62
Biểu số 2.16: Giấy đề nghị cung cấp vật tư	63
Biểu số 2.17: Phiếu xuất kho 202/12	64
Biểu số 2.18: Thẻ kho	65
Biểu 2.19. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	66
Biểu 2.20. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	67
Biểu số 2.21 : Trích trang Sổ Nhật kí chung	70
Biểu số 2.22 : Trích Sổ cái Tài khoản 152.....	71
Biểu số 2.23 : Trích Sổ cái Tài khoản 153.....	72
Biểu 2.24 : Phiếu kế toán số 08/12	74
Biểu số 2.25 : Trích Sổ cái Tài khoản 154.....	76
Biểu số 3.1: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	82
Biểu 3.2 : Sổ giao nhận chứng từ tại công ty TNHH Tân Việt Cường	85

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ, trong đó hệ thống kế toán Việt Nam đã có bước đổi mới, tiến bộ và góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà.

Hàng tồn kho là một bộ phận tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn, biểu hiện vốn của doanh nghiệp chưa luân chuyển và chuẩn bị cho luân chuyển. Vì vậy, công tác kế toán hàng tồn kho đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho giúp cho các doanh nghiệp theo dõi được chặt chẽ các chỉ tiêu số lượng và giá trị nhập-xuất-tồn kho và thông qua đó đề ra những biện pháp giảm chi phí trong giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho công ty, duy trì sự tồn tại, phát triển sản xuất kinh doanh đồng thời tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Từ những nhận thức trên về hàng tồn kho, trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Tân Việt Cường, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho tại công ty và đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình là: “Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường”.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, kết cấu bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp theo quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Chương 2: Thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường.

Trong thời gian qua, mặc dù em đã cố gắng hết khả năng của mình, nhưng do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong được tiếp thu những ý kiến của thầy cô và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Diệp

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP

1.1: Tổng quan về hàng tồn kho và kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

1.1.1. Tổng quan về hàng tồn kho

1.1.1.1 Khái niệm về hàng tồn kho

Hàng tồn kho là toàn bộ giá trị hàng hóa thành phẩm nguyên vật liệu và các công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho, quy định hàng tồn kho là tài sản.

- Được giữ để bán (hay tiêu dùng trong sản xuất)
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.
- Hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn và chiếm tỷ trọng lớn, có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hàng tồn kho trong doanh nghiệp dịch vụ là một bộ phận của tài sản ngắn hạn dự trữ cho quá trình cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Phân loại về hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Việc phân loại và xác định những gì thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

a) Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm các chủng loại hàng mà doanh nghiệp mua về để phục vụ cho quá trình sản xuất của mình. Bao gồm các nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ trong kho.

b) Sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang bao gồm tất cả các sản phẩm chưa hoàn thành hiện còn đang nằm tại một công đoạn của quá trình nào đó trong sản xuất hoặc sản phẩm hoàn thiện chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm.

c) Thành phẩm

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc quá trình chế biến, đã hoàn thành chu kỳ sản xuất của mình, đã được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật quy định.

Tồn kho thành phẩm hợp lý nhằm đáp ứng mức tiêu thụ dự kiến trong tương lai, mang lại lợi ích cho cả bộ phận sản xuất và cho toàn doanh nghiệp.

d) Hàng hóa

Hàng hóa là những sản phẩm đã hoàn thiện, doanh nghiệp mua về để bán.

1.1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho

1.1.2.1 Vai trò của kế toán hàng tồn kho

Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường với sự tham gia của các thành phần kinh tế thì số lượng các doanh nghiệp ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn. Các doanh nghiệp đều hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, mà những nguyên tắc cơ bản là: tự trang trải chi phí và có lợi nhuận, tự chủ về tài chính, nghiệp vụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tuân thủ các chế độ, thể lệ về quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước với sự chỉ đạo và kiểm tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao trình độ quản lý và khả năng quản trị kinh doanh, quản lý tài sản.

- Trong cơ chế quản lý kế toán tài chính hiện nay, vai trò của kế toán ngày càng được coi trọng bởi đó là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế tài chính ở các doanh nghiệp

- Trong các doanh nghiệp hàng tồn kho là bộ phận tài sản quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy thông tin về hàng tồn kho và tình hình nhập xuất vật tư hàng hóa là thông tin quan trọng mà người

quản lý cần quan tâm. Căn cứ vào báo cáo kế toán hàng tồn kho mà người quản lý có thể đưa ra quyết định kinh tế hữu hiệu hơn như các quyết định về sản xuất, dự trữ và bán ra với số lượng là bao nhiêu... Đặc biệt số liệu hàng tồn kho còn ảnh hưởng đến thông tin trình bày trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Mặt khác kế toán hàng tồn kho đáp ứng nhu cầu quản lý hàng tồn kho về mặt số lượng, giá trị, chủng loại được chi tiết theo từng địa điểm, thời gian, không gian nhất định, giúp cho việc quản lý tài sản của doanh nghiệp chặt chẽ.

- Đặc biệt, kế toán hàng tồn kho cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về trị giá vốn hàng tiêu thụ để giúp cho việc tính toán kết quả kinh doanh và từ đó nhà quản lý có sách lược sản xuất, kinh doanh phù hợp.

1.1.2.2 Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho

- Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình biến động của hàng tồn kho cả về mặt giá trị và hiện vật, tính đúng trị giá hàng tồn kho để làm cơ sở xác định chính xác trị giá tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình, chấp hành các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thực hiện kiểm kê đánh giá lại hàng hóa, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của cơ chế tài chính.

1.2. Kế toán hàng tồn kho

1.2.1 Quy định về kế toán hàng tồn kho

Yêu cầu đánh giá hàng tồn kho

Khi đánh giá hàng tồn kho phải đảm bảo các yêu cầu sau:

❖ Yêu cầu về tính chân thực: đòi hỏi việc tính giá hàng hóa phải được tiến hành dựa trên cơ sở tổng hợp đầy đủ đúng đắn và hợp lý các chi phí thực tế cấu thành nên giá trị vốn của hàng hóa và loại trừ các chi phí bất hợp lý, các chi phí đã thu hồi (nếu có), giảm thiểu chi phí kém hiệu quả. Ngoài ra còn thể hiện việc sử dụng giá tính có phù hợp với giá cả thị trường hay không.

❖ Yêu cầu về tính thống nhất: tức là nội dung phương pháp tính giữa các niên độ kế toán của một đơn vị phải thống nhất, nếu có bất kỳ thay đổi nào phải giải trình trên thuyết minh báo cáo tài chính. Cách tập hợp chi phí, cách tính toán phân bổ, tiêu thức phân bổ chung để xác định chỉ tiêu về trị giá hàng mua nhập kho và trị giá xuất kho giữa các kỳ hạch toán phải nhất quán tránh ảnh hưởng của trị giá hàng nhập kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Kế toán hàng tồn kho phản ánh trên các tài khoản thuộc nhóm hàng tồn kho phải được thực hiện theo quy định chuẩn mực kế toán 02 “Hàng tồn kho” về việc xác định giá gốc hàng tồn kho, phương pháp tính giá hàng tồn kho.

❖ Nguyên tắc xác định giá gốc hàng tồn kho được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hóa, theo nguồn hình thành và thời điểm tính giá.

❖ Xác định giá nhập kho:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu, công cụ} \\ \text{dụng cụ nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{không có} \\ \text{thuế GTGT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá, hàng} \\ \text{trả lại (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu,} \\ \text{công cụ dụng cụ} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thanh toán} \\ \text{ghi trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá,} \\ \text{hàng trả lại} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

❖ Khi xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, doanh nghiệp áp dụng một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp tính giá đích danh

+ Phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

- + Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- + Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

➤ **Phương pháp tính giá đích danh**

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng và mặt hàng ổn định, nhận diện được.

Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không áp dụng được phương pháp này.

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền**

✓ *Giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

Theo phương pháp này, trị giá của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập hàng phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} & & \text{Trị giá thực tế hàng} & + & \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{quân của cả kỳ} & = & \text{tồn kho đầu kỳ} & & \text{nhập kho trong kỳ} \\ \text{dự trữ} & & & & \\ & & \text{Số lượng hàng tồn kho} & + & \text{Số lượng hàng nhập} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} \end{aligned}$$

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính giá xuất kho. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Ưu điểm: khá đơn giản, dễ thực hiện, chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

✓ **Giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:**

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa hai lần nhập kế tiếp để tính giá xuất:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{sau mỗi lần nhập} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Nhược điểm: tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Chỉ được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

➤ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định hàng được nhập trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: có thể tính được ngay trị giá hàng xuất kho trong từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như trong quản lý

Nhược điểm: làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, lợi nhuận hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có cách đó từ rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

➤ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

- Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp này hầu như không được dùng trong thực tế.

➤ **Phương pháp phân bổ công cụ dụng cụ:**

- Đối với những công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ: hạch toán luôn vào chi phí trong tháng mà không cần phải nhập, xuất kho.
- Phân bổ 2 kỳ với tỷ lệ 50-50: lần đầu là khi đưa vào sử dụng và 50% là khi báo hỏng.
- Phân bổ nhiều kỳ: lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ và phân bổ theo giá trị, thời gian sử dụng thực tế của doanh nghiệp. Hàng tháng sẽ trích đều vào chi phí.

• Đối với vật tư hàng hóa mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

Kế toán hàng tồn kho phải đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị hiện vật theo từng thứ, loại, quy cách...theo từng thời gian địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp giữa sổ sách thực tế. Có 3 phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho:

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- + phương pháp sổ số dư

Doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho:

- + Phương pháp kê khai thường xuyên

+ Phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Hạch toán chi tiết hàng tồn kho là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của hàng tồn kho về giá trị và số lượng.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán hàng tồn kho

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 –VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 –VT)
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa,...

Cách lập phiếu nhập kho:

Trong kế toán, phiếu nhập kho được gọi là chứng từ thực hiện, vì nó chứng minh nghiệp vụ về nhập kho. Phiếu nhập kho do kế toán hoặc người phụ trách lập khi muốn cho vật tư, sản phẩm, hàng hóa nhập kho. Để nhập kho phải có chứng từ thể hiện rõ nguồn gốc của việc nhập kho mà ghi sổ cho phù hợp (chứng từ nguồn). Chứng từ nguồn về hàng tồn kho có nhiều loại, nhưng cơ bản bao gồm: Hóa đơn mua hàng, Hóa đơn GTGT, Biên bản bàn giao sản phẩm xuất hoàn thành, giấy giữ hộ tài sản,...

- ✓ Bước 1: Người giao hàng (có thể là nhân viên của doanh nghiệp hoặc người bán) đề nghị giao hàng nhập kho.
- ✓ Bước 2: Ban kiểm nhận lập biên bản nhận cho nhập kho vật tư, công cụ dụng cụ, hàng hóa,...
- ✓ Bước 3: Kế toán vật tư hoặc phụ trách bộ phận sẽ tiến hành lập Phiếu nhập kho theo hóa đơn mua hàng, phiếu giao nhận... với ban kiểm nhận.
- ✓ Bước 4: Người lập phiếu, người giao hàng và phụ trách bộ phận ký vào Phiếu nhập kho.

- ✓ Bước 5: Chuyển Phiếu nhập kho cho thủ kho tiến hành việc kiểm nhận, nhập hàng, ghi sổ và ký Phiếu nhập kho.
- ✓ Bước 6: Chuyển Phiếu nhập kho cho kế toán vật tư để ghi sổ kế toán.
- ✓ Bước 7: Kế toán vật tư tổ chức bảo quản và lưu trữ phiếu nhập.

Cách lập Phiếu xuất kho:

Phiếu xuất kho được gọi là chứng từ thực hiện, vì nó chứng minh cho nghiệp vụ về xuất kho một loại hàng tồn kho nào đó. Phiếu xuất kho là do kế toán hoặc người phụ trách viết khi muốn xuất vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Khi xuất kho phải căn cứ vào các nguyên nhân xuất thông qua các chứng từ nguồn bao gồm: Lệnh xuất kho, phiếu xin lĩnh vật tư, ...

Bước 1: Người có nhu cầu về vật tư, sản phẩm, hàng hóa lập giấy xin xuất hoặc ra lệnh xuất đối với vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Bước 2: Chuyển cho chủ doanh nghiệp (giám đốc) hoặc phụ trách đơn vị duyệt lệnh xuất.

Bước 3: Phụ trách bộ phận hoặc kế toán vật tư căn cứ vào đề nghị xuất hoặc lệnh xuất tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Bước 4: Chuyển phiếu xuất kho cho thủ kho tiến hành xuất vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, sau đó ký vào Phiếu xuất kho rồi giao chứng từ lại cho kế toán vật tư.

Bước 5: Khi nhận Phiếu xuất kho, kế toán vật tư chuyển cho kế toán trưởng ký xác nhận rồi ghi sổ kế toán.

Bước 6: Trình phiếu xuất kho cho giám đốc ký duyệt chứng từ, thường là ký theo định kỳ, vì chứng từ đã được duyệt xuất ngay từ đầu nên giám đốc chỉ kiểm tra lại và ký duyệt.

Bước 7: Kế toán vật tư sẽ tiến hành bảo quản và lưu giữ chứng từ.

1.2.2.2. Phương pháp thẻ song song

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất để ghi số lượng hàng hóa vào thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho của từng loại hàng hóa.

- Tại phòng kế toán: Sử dụng sổ chi tiết hàng hóa để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại hàng hóa về số lượng và giá trị.

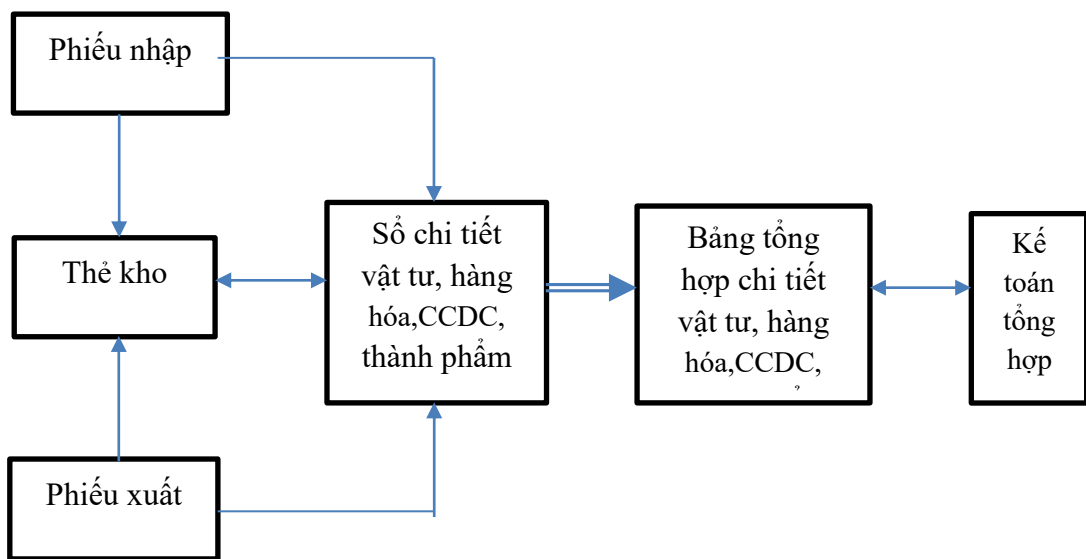
Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập-xuất hàng hóa thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi chép phản ánh vào sổ chi tiết.

Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa.

Số tồn trên các sổ chi tiết phải khớp đúng với số tồn trên thẻ kho.

Phương pháp thẻ song song đơn giản, dễ thực hiện và tiện lợi khi được xử lý bằng máy tính. Hiện nay phương pháp thẻ song song được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

Quy trình luân chuyển chứng từ:



Ghi hàng ngày →
Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ ==>
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-->

Sơ đồ 1.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song

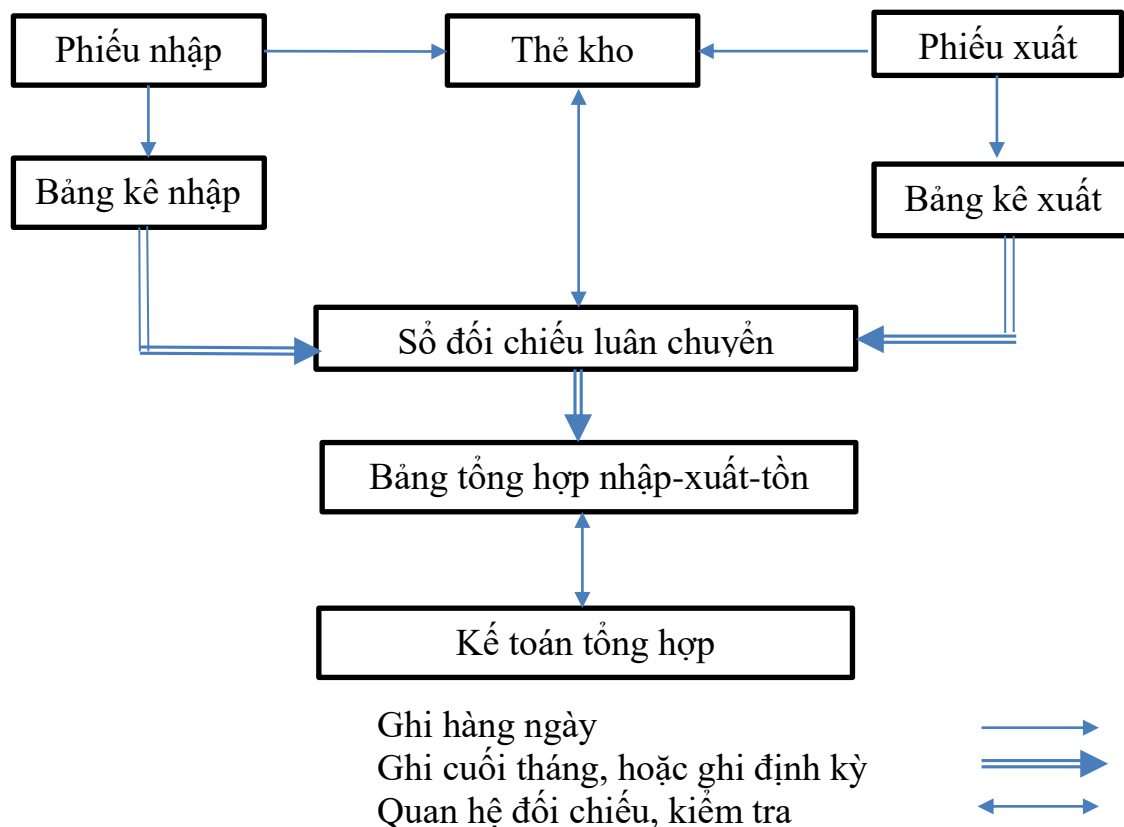
Phương pháp thẻ song song đơn giản, dễ thực hiện và tiện lợi khi được xử lý bằng máy tính. Hiện nay phương pháp thẻ song song được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

1.2.2.3 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng các thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của các loại hàng hóa về mặt số lượng.

- Phòng kế toán: để theo dõi từng loại hàng hóa nhập, xuất về số lượng và giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Đặc điểm ghi chép chính là chỉ ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất, tồn trong tháng và mỗi danh điểm hàng hóa được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp đối chiếu luân chuyển cũng dễ thực hiện, đơn giản nhưng có nhược điểm là khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng tới tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán.

1.2.2.4 Phương pháp sổ số dư

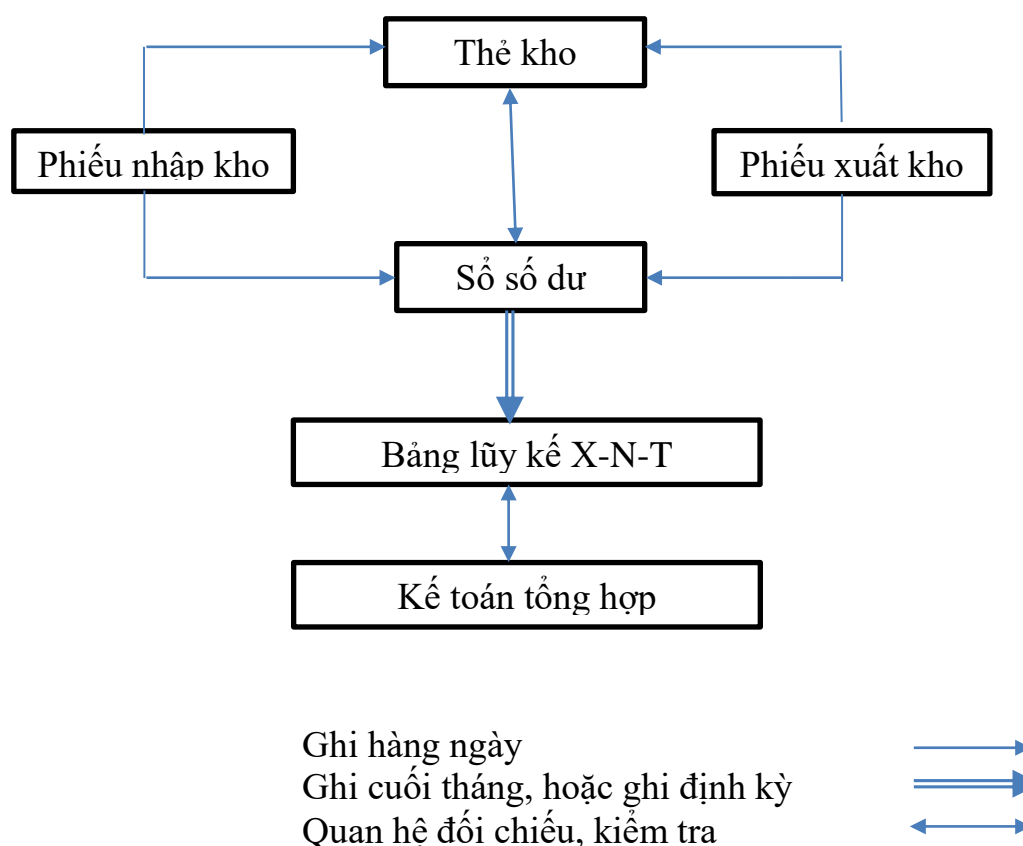
- Phương pháp sổ số dư là phương pháp được sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để xác định giá trị vật tư, công cụ dụng cụ nhập, xuất, tồn kho. Đặc điểm của phương pháp này là ở kho chỉ theo dõi vật tư, công cụ dụng cụ về số lượng còn phòng kế hoạch theo dõi về giá trị.

- Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng vật liệu, công cụ dụng cụ nhập, xuất, tồn trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất. Ngoài ra vào cuối tháng, thủ kho còn phải căn cứ vào số tồn của vật liệu, công cụ dụng cụ trên thẻ kho để ghi số dư do phòng kế hoạch lập và gửi xuống cho thủ kho vào ngày cuối tháng để ghi sổ.

- Các chứng từ nhập, xuất sau khi đã ghi vào thẻ kho phải được thủ kho phân loại theo từng chứng từ nhập, xuất. Ngoài ra vào cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào số tồn của vật liệu, công cụ dụng cụ trên thẻ kho để ghi sổ số dư do phòng kế hoạch lập và gửi xuống cho thủ kho vào ngày cuối tháng để ghi sổ.

- Các chứng từ nhập, xuất sau khi đã ghi vào thẻ kho phải được thủ kho phân loại theo từng chứng từ nhập, xuất của từng loại vật tư, công cụ dụng cụ để lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển giao cho phòng kế toán và kèm theo chứng từ nhập, xuất ở phòng kế toán.

- Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, kế toán phải đối chiếu với các chứng từ khác có liên quan, sau đó căn cứ vào giá hạch toán đang sử dụng để ghi giá vào các chứng từ và vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn vật tư, công cụ dụng cụ.

Quá trình luân chuyển chứng từ.**Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư**

Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu chính xác và kịp thời.

1.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Kế toán hàng tồn kho là việc ghi chép lại sự biến động về mặt giá trị của hàng tồn kho trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho có thể áp dụng một trong hai phương pháp: Phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.3.1. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

a) Đặc điểm của phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên sổ sách kế toán.

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân.

- Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX thì có các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh sự hiện có, tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa. Do vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ sách kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

b) Tài khoản sử dụng:

- TK 152: Nguyên liệu vật liệu
- TK153: Công cụ dụng cụ
- TK 154: Chi phí SXKD dở dang
- TK155: Thành phẩm
- TK 156: Hàng hóa
- TK 157: Hàng gửi đi bán

Kết cấu cơ bản của nhóm tài khoản này:

** Bên Nợ:*

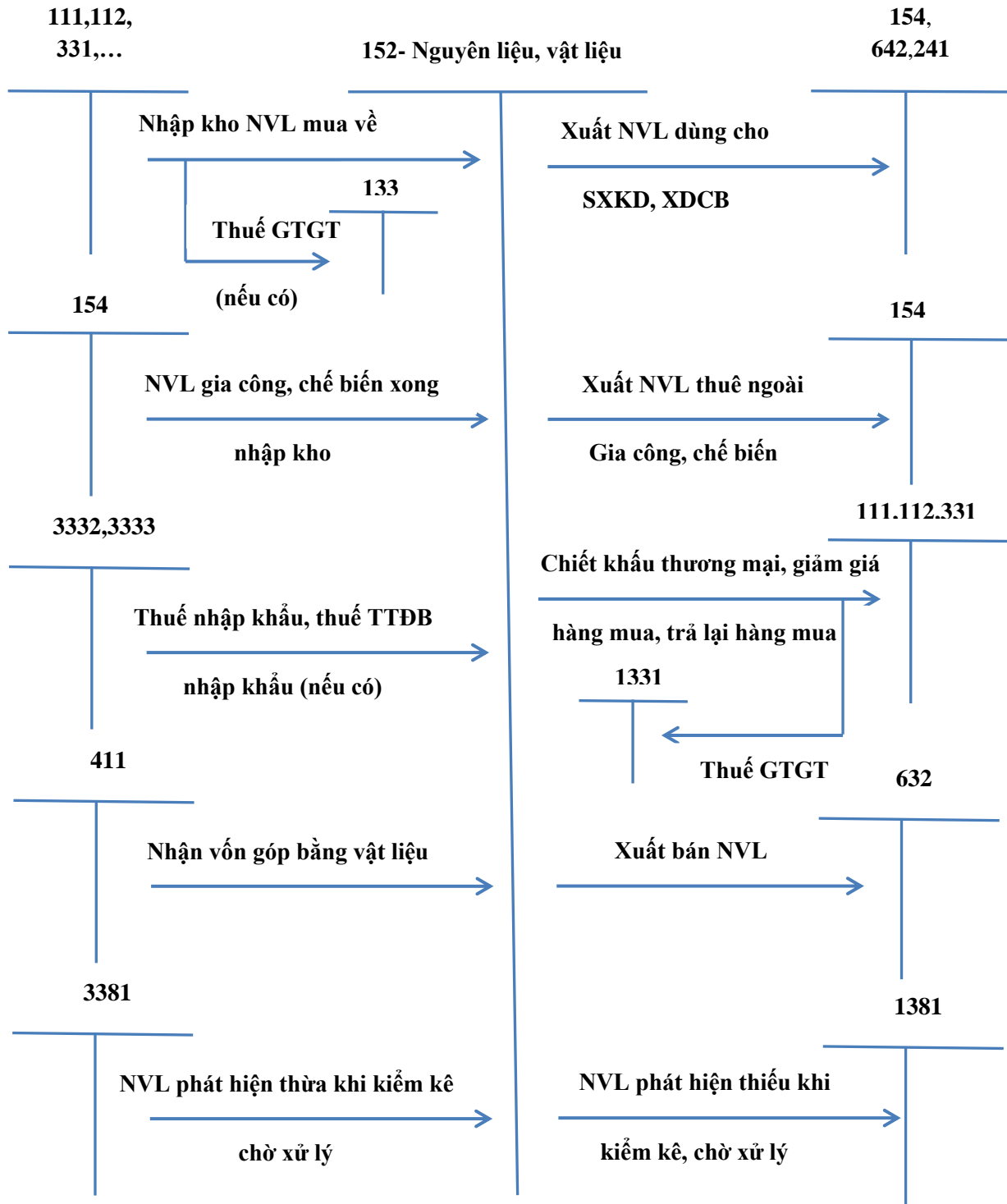
- Trị giá vật tư, hàng hóa mua vào
- Trị giá hàng tồn kho phát hiện thừa khi kiểm kê,...

** Bên Có:*

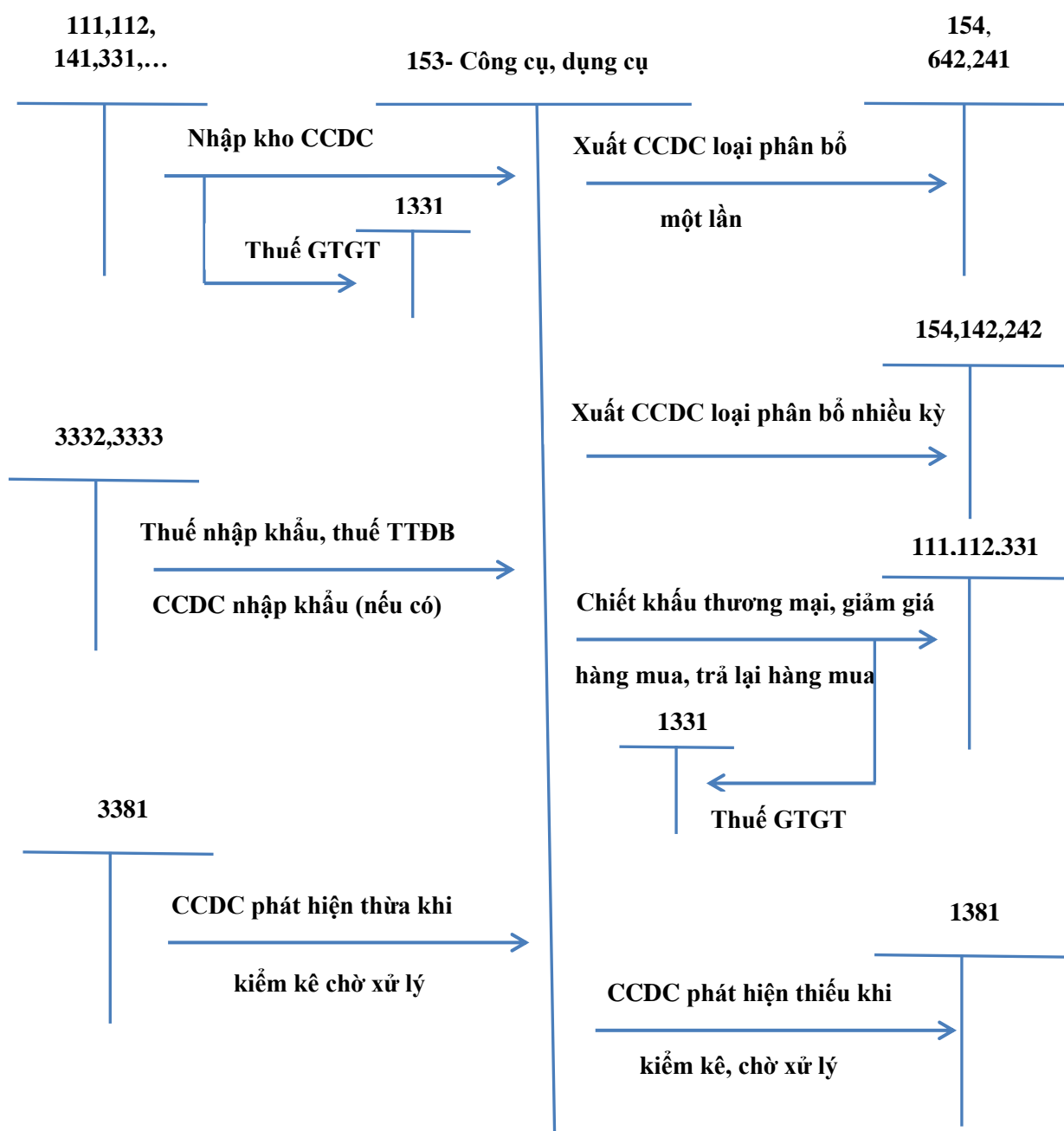
- Trị giá hàng xuất kho
- Phân bổ NVL, CCDC
- Trị giá hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê,...

** Số dư cuối kỳ:* Bên Nợ

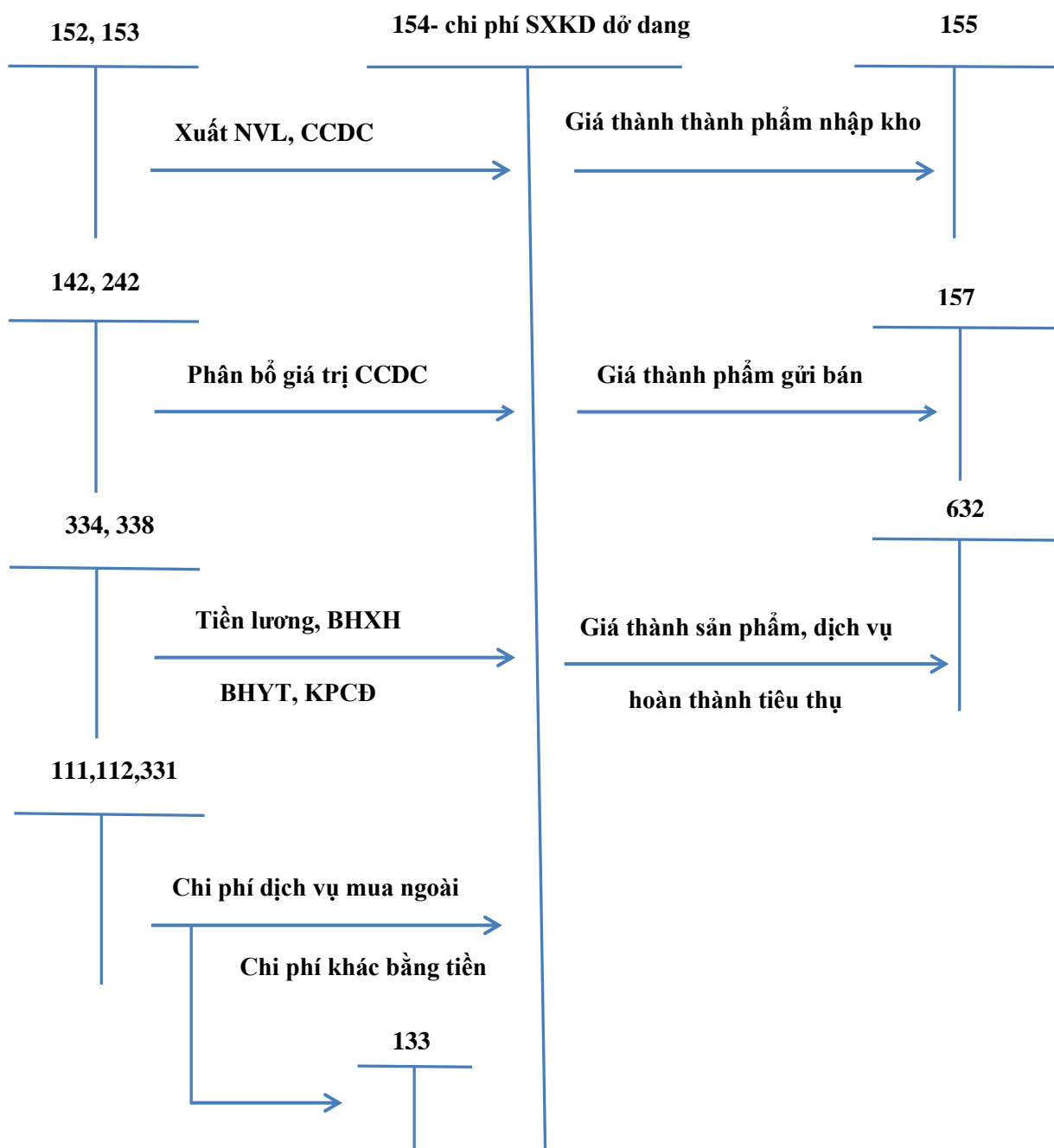
Để hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX, kế toán hạch toán theo các sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.4), (Sơ đồ 1.5), (Sơ đồ 1.6), (Sơ đồ 1.7), (Sơ đồ 1.8), (Sơ đồ 1.9).



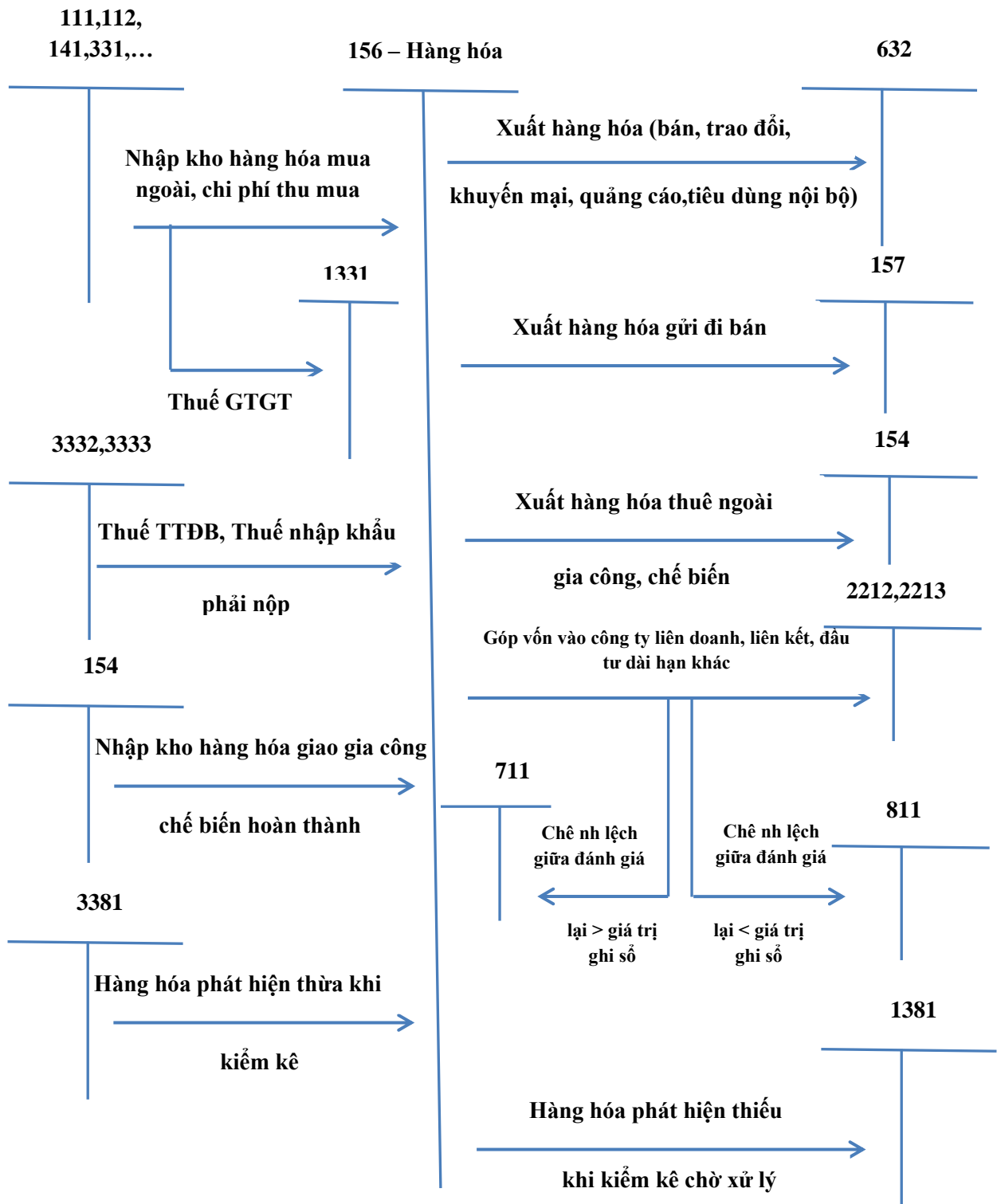
Sơ đồ 1.4: Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp KKTX



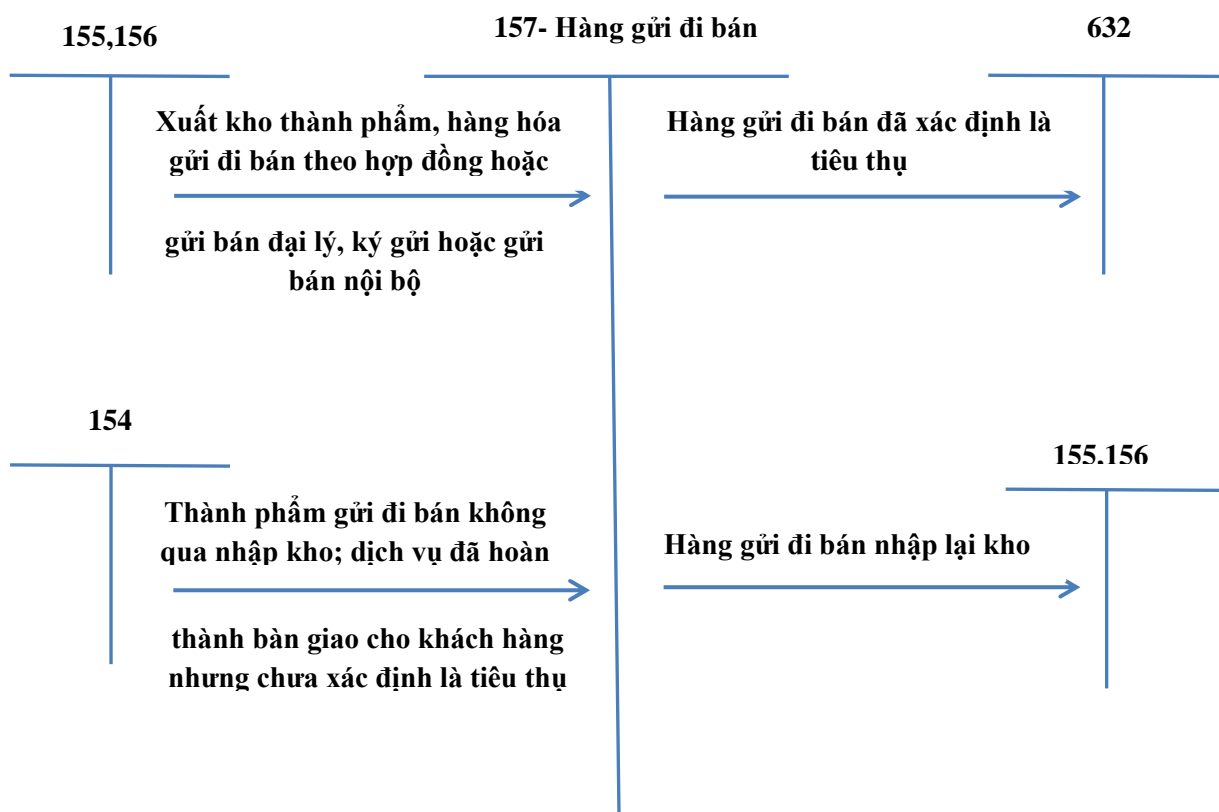
Sơ đồ 1.5: Kế toán công cụ dụng cụ theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.8: Kế toán hàng hóa theo phương pháp KCTX



Sơ đồ 1.9: Kế toán hàng gửi đi bán theo phương pháp KKTX

1.2.3.2. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

a) Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng đã xuất trong kỳ.

❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng tồn kho nói chung (hàng hóa nói riêng không phản ánh trên tài khoản nhóm 155 (hay 156). Trị giá của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ trước được theo dõi và phản ánh trên TK 611.

❖ Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

❖ Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa với mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, tình hình nhập xuất liên tục, thường xuyên.

❖ Phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép kế toán nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất kho bị ảnh hưởng của chất lượng, công tác quản lý tại kho quày, bến bãi.

b) Tài khoản sử dụng:

- Ngoài những tài khoản đã được liệt kê trong phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ có thêm TK 611

- Kết cấu và nội dung của tài khoản 611 (6112): Mua hàng

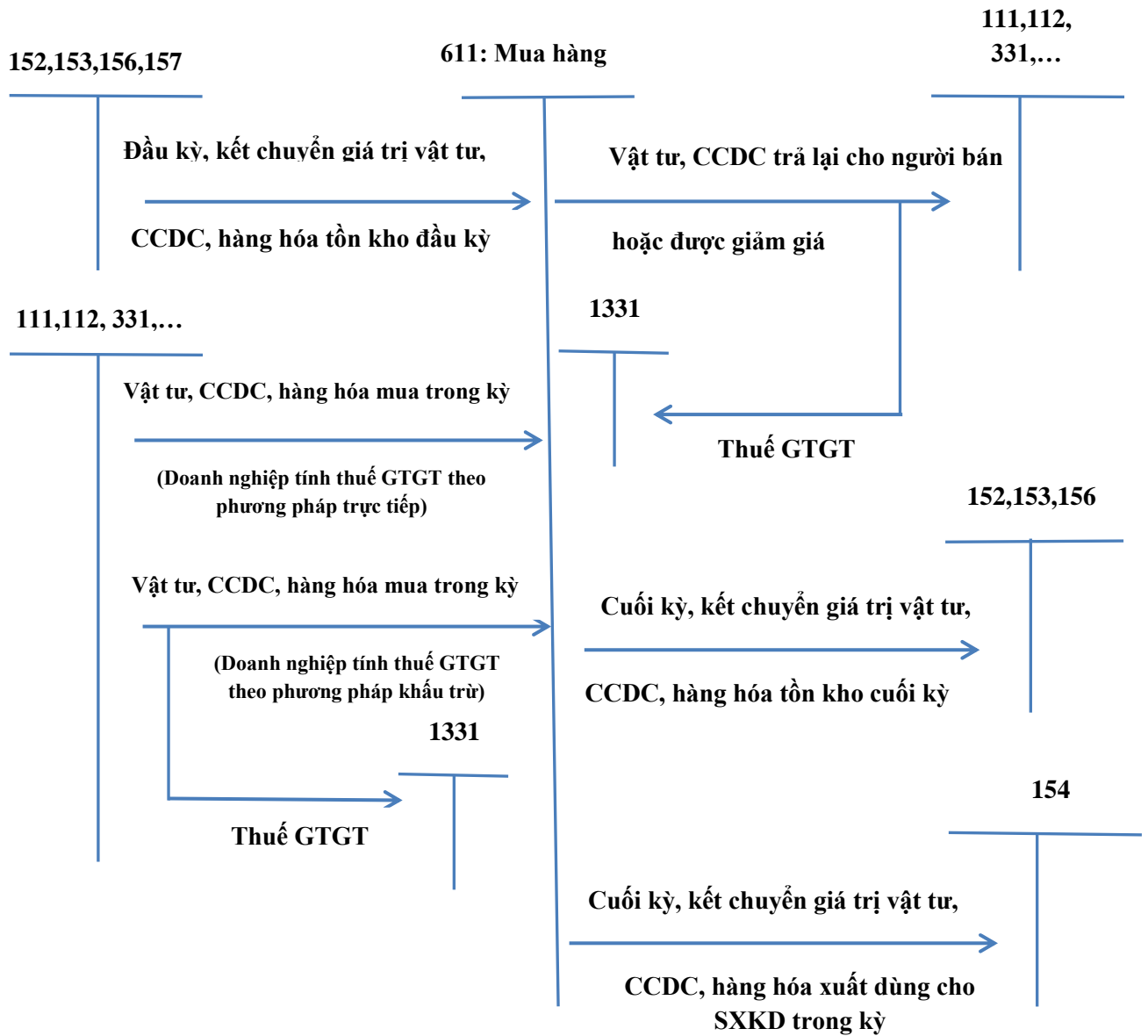
Bên nợ:

- + Kết chuyển giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ
- + Giá thực tế hàng hóa mua vào trong kỳ, hàng bán bị trả lại.

Bên có:

- + Các khoản giảm giá, bớt giá, giá trị hàng mua bị trả lại
- + Kết chuyển giá trị thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ
- + Trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.

Số dư cuối kỳ: TK 611 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.10: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4: Vấn đề kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho

1.2.4.1; Khái niệm

Kiểm kê hàng tồn kho là việc tiến hành kiểm tra trực tiếp tại chỗ hiện có tại thời điểm tiến hành kiểm kê thông qua việc cân, đong, đo, đếm. Được thực hiện bởi ban kiểm kê của doanh nghiệp dưới sự giám sát và tham gia của phòng kế toán. Mục đích của việc kiểm kê là nhằm đối chiếu số hàng tồn kho hiện tại đang có tại kho với số dư trên sổ sách kế toán, xác định số thừa, thiếu. Cũng qua đó kiểm tra chất lượng của hàng tồn kho, kiểm tra việc dự trữ tồn kho để quản lý chặt chẽ có hiệu quả, tránh tham ô, lãng phí, mất mát và đảm bảo tính thực tế của số liệu báo cáo về hàng tồn kho. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực.

Đánh giá lại hàng tồn kho thường được thực hiện trong trường hợp nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả,...

1.2.4.2. Phương pháp hạch toán khi phát hiện thừa thiếu trong kiểm kê

Khi kiểm kê phát hiện hàng tồn kho thừa, mất, thiếu, hư hỏng kế toán phải căn cứ vào nguyên nhân hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để xử lý.

- Trường hợp phát hiện thừa:

- Chưa xác định nguyên nhân chờ xử lý:

Nợ TK 152,153,155,156: NVL, CCDC, thành phẩm, hàng hóa

Có TK 3381: Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, kế toán căn cứ vào quyết định xử lý:

Nợ TK 338 (3381): Phải trả, phải nộp khác

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 441: Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Có TK 338 (3388): Phải trả, phải nộp khác

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 711: Thu nhập khác

- Trường hợp phát hiện thiếu:
 - Nếu giá trị NVL, CCDC hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép, ghi:
Nợ TK 632: Trị giá NVL, CCDC nhập kho
 Có TK 152, 153: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
 - Nếu thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý:
Nợ TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý
 Có TK 152, 153, 155: NVL, CCDC, thành phẩm.
 - Thiếu hụt đã xác định được nguyên nhân, căn cứ quyết định ghi:
Nợ TK 111: Tiền mặt (người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)
Nợ TK 1138: Phải thu khác
Nợ TK 334: Phải trả người lao động (trừ vào lương của người phạm lỗi)
 Nợ TK 632: Phần thiếu hụt, hư hỏng còn lại phải tính vào trị giá vật tư, công cụ dụng cụ nhập kho.
 Có TK 138 (1381): Phải thu khác

1.2.4.3.Đánh giá lại hàng tồn kho

Đánh giá lại hàng tồn kho nhằm xác định giá trị phù hợp của hàng tồn kho tại thời điểm đánh giá lại. Đánh giá lại thường thực hiện:

- + Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản
- + Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.
- + Các trường hợp khác theo quy định (Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp)

- Khi đánh giá lại hàng tồn kho, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại.
 - + Nếu đánh giá lại nhỏ hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch giảm:
Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản
 Có TK 152, 153, 155, 156

+ Nếu đánh giá lại lớn hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch giá tăng:

Nợ TK 152,153,155,156

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản.

1.2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.2.5.1. Khái niệm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

1.2.5.2. Nguyên tắc lập

Doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng trị giá hàng nhập kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm trị giá hàng nhập kho.

➤ Tài khoản 159 (1593): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên nợ:

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm trị giá hàng nhập kho trong kỳ.

Bên có:

+ Trị giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã tính vào trị giá hàng hàng nhập kho trong kỳ.

Số dư cuối kỳ:

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

1.2.5.3. Chứng từ sử dụng tại công ty TNHH Tân Việt Cường:

- Hóa đơn chứng từ phản ánh trị giá hàng nhập kho được lập dự phòng.
- Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.

1.2.5.4. Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a) Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Trị giá hàng nhập kho

Có TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

b) Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Trị giá NVL, CCDC nhập kho

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Trị giá NVL, CCDC nhập kho

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 152, 153, 155, 156.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 411: Vốn đầu tư chủ sở hữu.

- *Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính như sau:*

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{lượng tồn kho} \\ \text{thực tế tại thời} \\ \text{điểm báo cáo} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá nhập hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ kế toán} \end{array}$$

1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp theo Quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Theo quyết định 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính có 4 hình thức kế toán sau:

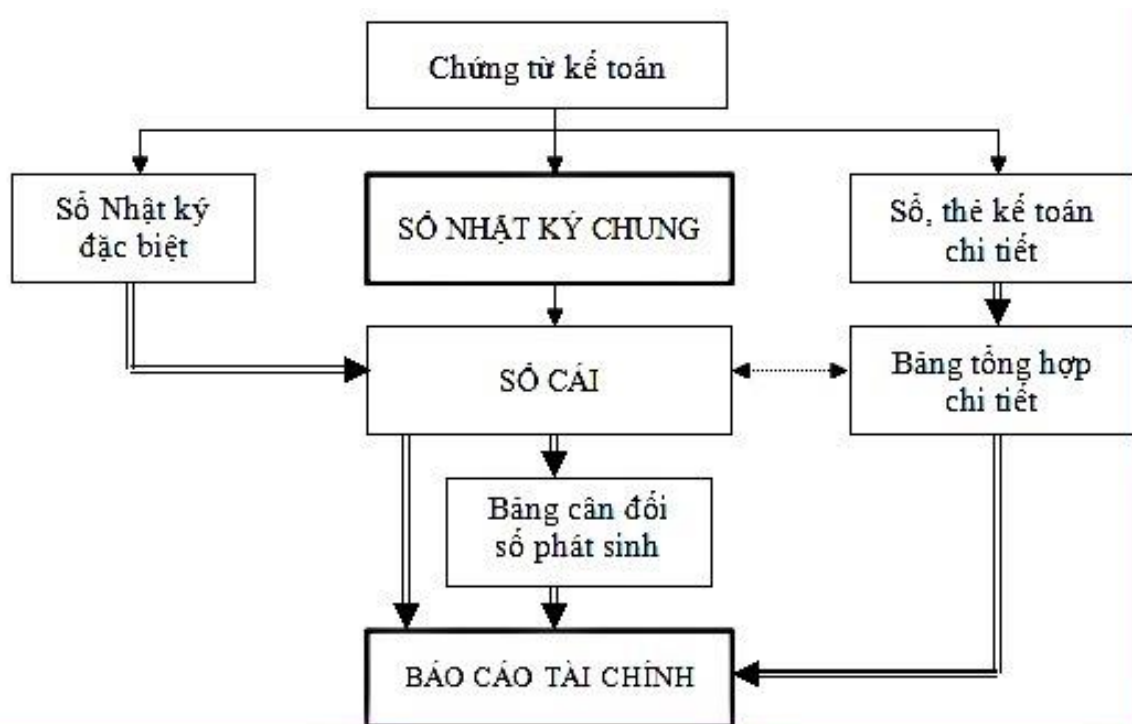
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái, các sổ thẻ chi tiết



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái

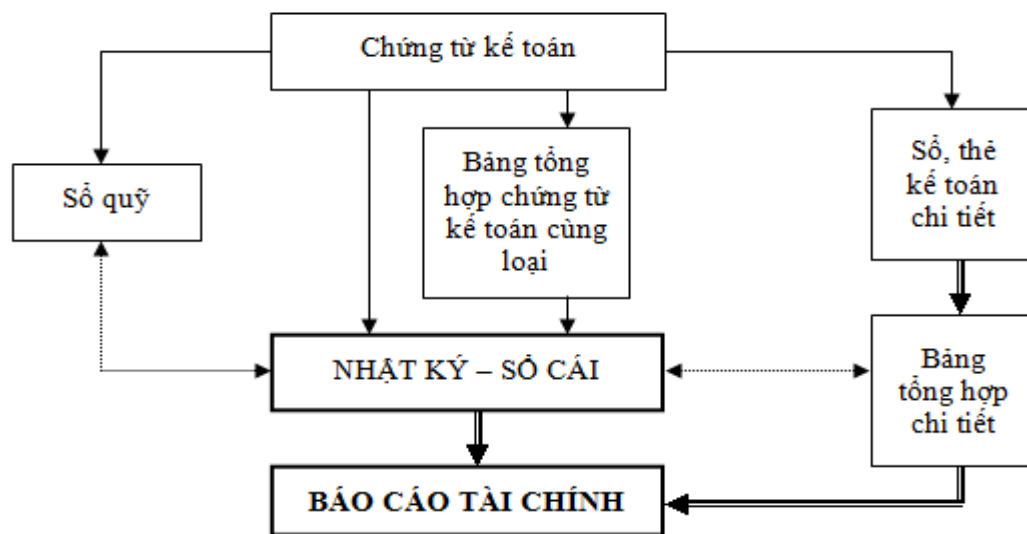
Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký- sổ cái.

Tách biệt với việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kỳ của nhật ký – sổ cái.

Các sổ sử dụng:

- Sổ Nhật ký – sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái

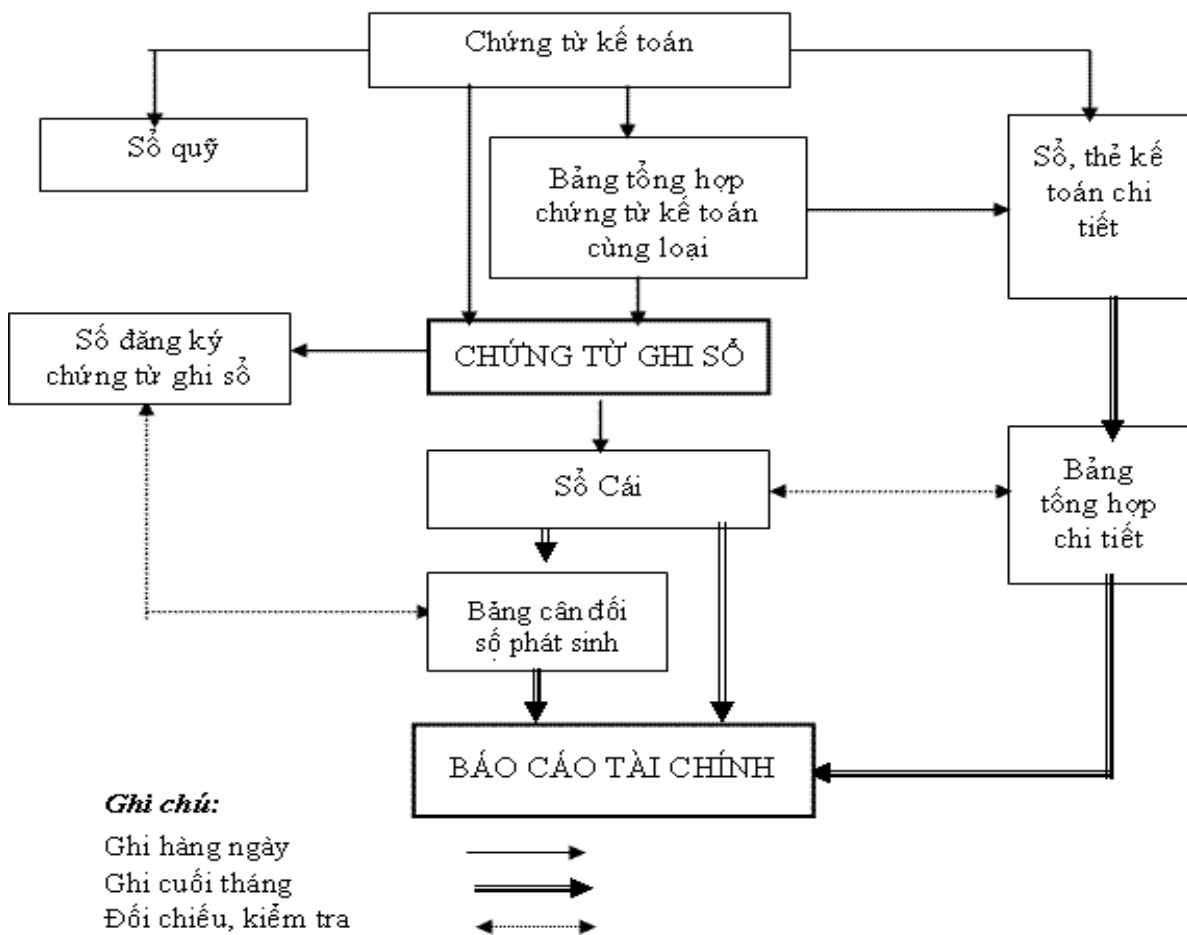
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ,

ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc năm theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và có chứng từ gốc đi kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết,...



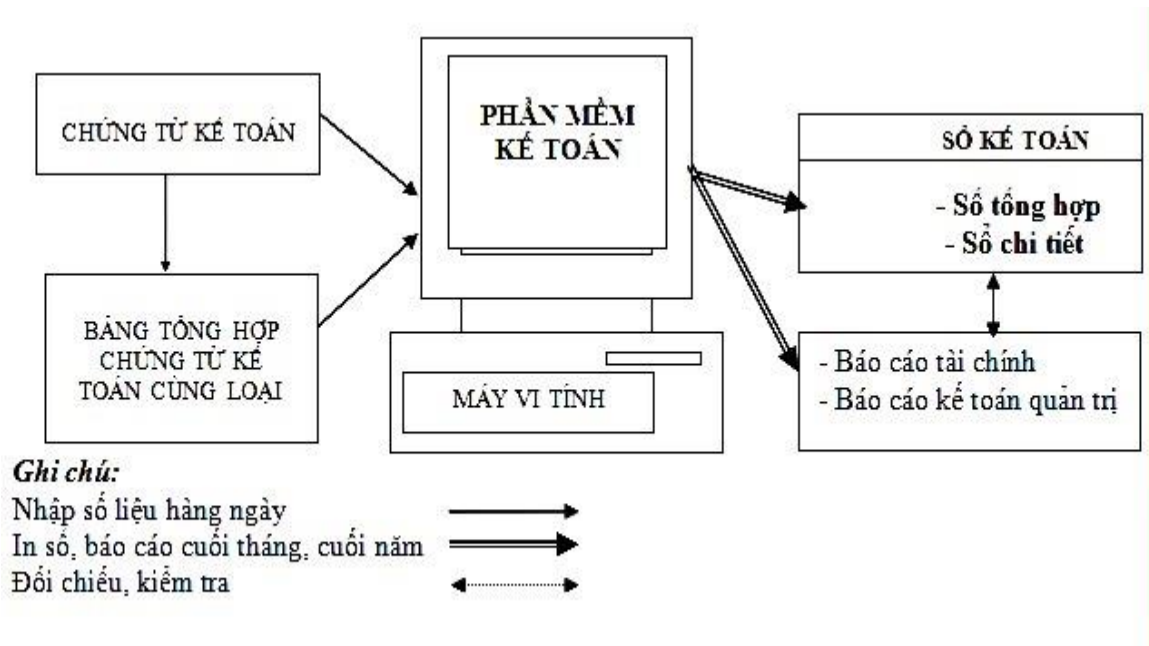
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.4: Hình thức kế toán trên máy

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định

trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ sử dụng: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Tân Việt Cường

2.1.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Tân Việt Cường

- Tên công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Việt Cường
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0200507301
- Loại hình công ty: Trách nhiệm hữu hạn
- Ngành nghề kinh doanh: vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ
- Lĩnh vực kinh doanh: Vận tải bằng xe tải, cho thuê xe tải và các thiết bị đầu kéo,.....
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Tân Việt Cường được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 0202001065 đăng kí lần đầu vào ngày 20/12/2002, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng, Phòng đăng kí kinh doanh cấp và thay đổi lần thứ 3 vào ngày 18/09/2007.

Là một doanh nghiệp trẻ, mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2002, công ty đã gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể là: vốn đầu tư còn hạn hẹp, không được trợ giá vốn từ Nhà nước cộng với các phương tiện vận tải chưa mở rộng, vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000 đồng. Nhưng với khẩu hiệu “ Uy tín trách nhiệm là hàng đầu” luôn hướng tới khách hàng, tạo sự tin tưởng và cam kết mang đến cho khách hàng sự hài lòng và dịch vụ tốt nhất. Nên trong hơn 10 năm hoạt động, công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về vận tải và dịch vụ vận tải tại địa bàn huyện An Dương nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.

2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Tân Việt Cường trong quá trình hoạt động

a) Thuận lợi

Công ty TNHH Tân Việt Cường được đặt tại thành phố Hải Phòng- cảng chính ra biển của các tỉnh phía bắc nước ta, nơi đây có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển ngành vận tải và dịch vụ. Đó là lý do công ty TNHH Tân Việt Cường ngày càng phát triển lớn mạnh và không ngừng cải tiến khoa học kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

b) Khó khăn

Ngoài những thuận lợi có được thì công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn trong quá trình hoạt động. Tính đến nay, càng ngày càng có thêm nhiều đối thủ cạnh tranh không ngừng chiếm lấy mảng thị trường này. Cạnh tranh bất bình đẳng về giá, làm ảnh hưởng đến chất lượng, dịch vụ. Lượng hàng hóa không ít so với các năm trước nhưng do phải san sẻ với lượng phương tiện tăng đột biến dẫn đến sự hiểu nhầm về sự khan hiếm hàng hóa. Đây là động lực khiến công ty TNHH Tân Việt Cường phải không ngừng nỗ lực phấn đấu, cải tiến khoa học kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, hàng hóa cũng như mở rộng thị trường.

Khó khăn đang dồn lên doanh nghiệp, áp lực từ chi phí cao, cước thấp.

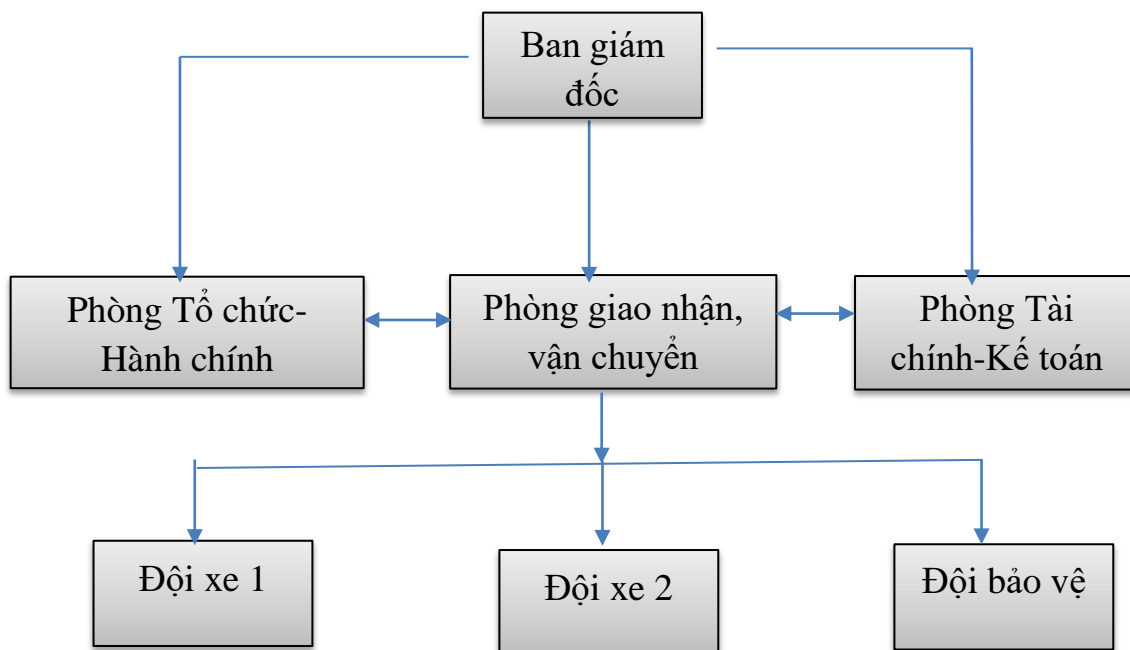
Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty TNHH Tân Việt Cường trong ba năm 2014, 2015, 2016

Năm Chỉ tiêu	2014	2015	2016
Doanh thu	4.858.315.607	4.961.294.986	5.655.048.980
Lợi nhuận trước thuế	347.559.564	354.926.617	404.557.159
Nộp NSNN	445.660.549	455.107.001	518.746.092
Thu nhập bình quân người/tháng	5.000.000	5.434.782	5,739,130

(Nguồn số liệu : Phòng Tài chính – Kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường)

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Hiện tại, cơ cấu bộ máy quản lý của công ty TNHH Tân Việt Cường đang áp dụng theo mô hình trực tuyến – chức năng. (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tân Việt Cường

- *Ban giám đốc công ty TNHH Tân Việt Cường*
- **Giám đốc công ty** : Ông Phan Văn Cường
 - Quyết định các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.
 - Tổ chức thực hiện các quyết định.
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - Ban hành các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Quản lý trong Công ty.
 - Ký kết các hợp đồng nhân danh công ty.
 - Đình chỉ, kỷ luật, chuyển công tác, sa thải lao động vi phạm Quy chế quản lý.
 - Tuyển dụng lao động.
 - Lập các phương án cơ cấu Tổ chức công ty.

- **Phó giám đốc**

- Phó giám đốc công ty: Ông Đặng Lê Hưng
- Phó giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo sự ủy quyền của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
- Phó giám đốc là người trực tiếp xây dựng kế hoạch làm việc, tổ chức thực hiện, quản lý giám sát.

- *Phòng Tổ chức- Hành chính*

- Thực hiện tổ chức tuyển dụng, cải tiến sản xuất , quản lý và sử dụng đúng đắn chế độ chính sách công nhân viên.
- Tham mưu cho Giám đốc về nhân sự và lao động
- Thực hiện các công tác đón tiếp khách
- Bảo quản hồ sơ, tài liệu và con dấu của công ty.

- *Phòng Tài chính- Kế toán*

- Quản lý vốn và tài sản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh – dịch vụ. Tham mưu các giải pháp bảo toàn và phát triển vốn. Nghiên cứu, đề xuất các phương thức đổi mới và quản lý kinh tế.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi tài chính: tháng, quý, năm; giám sát toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của Pháp luật kế toán thống kê Nhà nước đã ban hành.
- Hạch toán kế toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh – dịch vụ của Công ty, phân tích hoạt động kinh tế và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động tài chính kế toán theo quy định hiện hành.
- Tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức sử dụng phương tiện, vật tư. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu tài chính trong nội bộ Công ty.
- Theo dõi việc mua, bán, xuất – nhập vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh – dịch vụ của công ty. Thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, kiểm kê nhập xuất theo yêu cầu của cấp trên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, điều động của giám đốc công ty.
- Làm sổ sách theo dõi chi tiết, lập báo cáo trung thực, rõ ràng.
- Lưu trữ và bảo quản các tài liệu liên quan đến các mặt hàng công tác và nghiệp vụ của phòng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm bảo mật các tài liệu đó.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.
- Tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật chế độ chính sách, pháp luật về công tác Tài chính doanh nghiệp để áp dụng cho phù hợp.

➤ *Phòng giao nhận – vận chuyển*

• **Bộ phận giao nhận**

- Giao hàng hóa, tài liệu hồ sơ theo lịch phân công, theo yêu cầu của cấp trên.
- Lưu trữ, vận chuyển hàng hóa, tài liệu hồ sơ cẩn thận. Trong quá trình giao nhận, mang- vác hàng hóa cẩn thận tránh đổ vỡ, rách,...
- Kiểm tra hàng hóa, hồ sơ, sau đó ký vào phiếu xuất và sổ giao nhận (nếu có).
- Nhận hàng hóa, hồ sơ tài liệu đầy đủ theo yêu cầu.
- Ghi đầy đủ tên hàng hóa, số lượng, nơi giao, nơi nhận, thời hạn vào sổ giao nhận.
- Giao đầy đủ hàng hóa, tài liệu hồ sơ cho người nhận, sau đó yêu cầu ký tên vào sổ ghi nhận của mình.
- Lập sổ giao nhận gồm các nội dung: ngày, hàng hóa – chứng từ, nơi giao, nơi nhận, thời hạn.
- Thông tin kịp thời cho các bộ phận liên quan đảm bảo hàng hóa, tài liệu hồ sơ được giao đầy đủ, đúng thời hạn.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về hàng hóa từ khi nhận cho đến khi giao trừ trường hợp bất khả kháng.

- **Bộ phận vận chuyển**

- Chịu trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện và nhân lực khi có chỉ thị vận chuyển hàng hóa.
- Tiếp nhận và giải quyết những vấn đề liên quan đến xe vận chuyển như hỏng hóc, bảo dưỡng,...

- *Đội xe*

- Đội xe là đơn vị kinh doanh trực tiếp của Công ty.
- Yêu cầu những người phải có: sức khỏe, chăm chỉ và có trách nhiệm.
- Nhiệm vụ của lái xe là vận chuyển hàng hóa đến nơi yêu cầu theo cấp trên chỉ định. Có kỹ năng bảo trì theo định kì, báo cáo mức nhiên liệu sử dụng hàng tháng,...

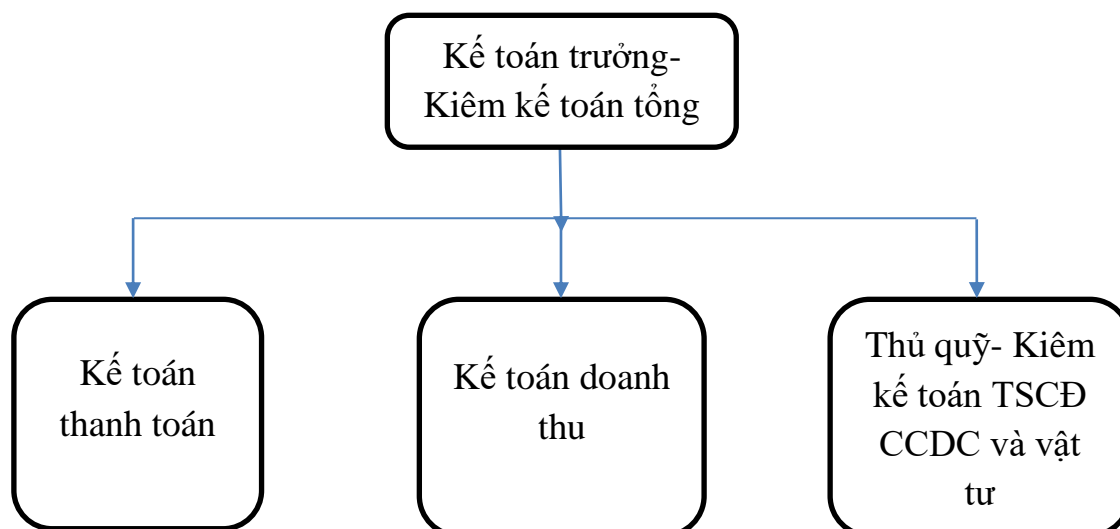
- *Đội bảo vệ*

Là bộ phận đảm nhận công tác bảo vệ an toàn tài sản, phương tiện ô tô trong phạm vi Công ty cả ngày và đêm.

2.1.3.Đặc điểm công tác tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.1.3.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Công ty TNHH Tân Việt Cường tổ chức kế toán theo hình thức tập trung theo sơ đồ 2.2, mỗi nhân viên kế toán đảm nhận các công việc kế toán khác nhau. Phòng kế toán chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc kiểm tra, giám sát, hạch toán các hoạt động kinh doanh của công ty theo chế độ kế toán hiện hành; ghi chép, tính toán và phản ánh đầy đủ, chính xác trung thực kịp thời toàn bộ tài sản, nguồn vốn của công ty.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường

- *Kế toán trưởng kiêm kiểm toán tổng hợp*
 - Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.
 - Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.
 - Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.
 - Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách.
- *Kế toán thanh toán*
 - Kế toán thanh toán căn cứ vào chứng từ như hóa đơn của bên bán, phiếu tạm ứng, giấy báo nợ, giấy báo có,... để lập thành phiếu thu và phiếu chi, thanh toán các khoản nợ với khách hàng bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.
 - Kế toán thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.
- *Kế toán doanh thu*
 - Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thu thực hiện trong kỳ.
 - Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ

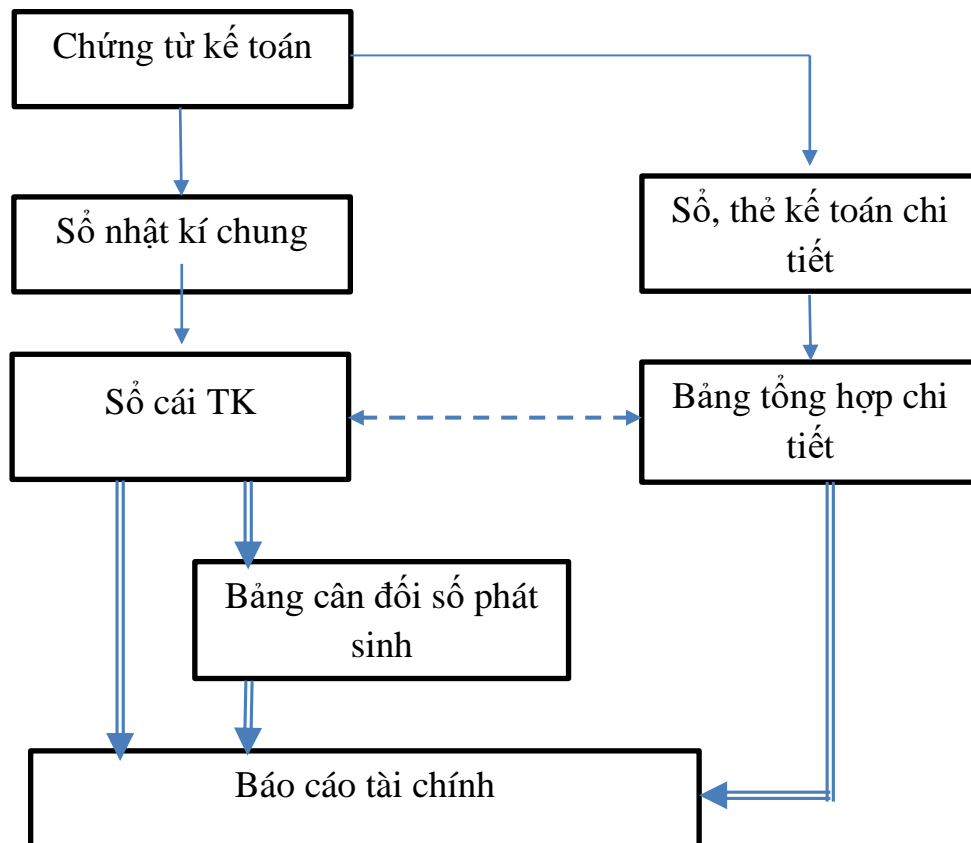
- *Thu quỹ- Kiểm kế toán TSCĐ, CCDC và vật tư*
- Thực hiện thu chi tiền mặt qua quỹ.
- Kiểm tra chứng từ thanh toán của cá nhân cán bộ công nhân viên hoặc tập thể, thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chế độ, chính sách quy chế của công ty.
- Mở sổ cập đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, thực hiện kiểm quỹ cuối ngày, làm báo cáo thu, chi, tồn quỹ đúng nghiệp vụ quy định.
- Thực hiện ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến CCDC, vật tư
- Hàng tháng, quý, năm lên báo cáo Nhập – xuất – tồn kho CCDC, vật tư theo giá trị và theo hiện vật
- Tổ chức, ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng; về giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ nhằm giám sát chặt chẽ việc mua, đầu tư và sử dụng bảo quản TSCĐ, làm thủ tục thanh lý nhượng bán TSCĐ.

2.1.3.2. Chế độ và chính sách kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường

- Công ty TNHH Tân Việt Cường áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho: Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

2.1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Tân Việt Cường

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung (sơ đồ 2.3) như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH Tân Việt Cường

2.2. Thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.2.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty

Tại công ty TNHH Tân Việt Cường hàng tồn kho gồm: nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- Về nguyên liệu vật liệu tại công ty TNHH Tân Việt Cường chỉ có dầu Diesel (DO 0.05%S).
- Về công cụ dụng cụ tại công ty có các loại: phụ tùng xe như: Lốp ô tô 750-10, máy bơm hơi, bộ đồ kim khí,...

2.2.2. Chứng từ sử dụng tại công ty TNHH Tân Việt Cường

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)

- Phiếu xuất kho (*Mẫu số 02 – VT*)
 - Giấy đề nghị cung cấp vật tư
 - Biên bản kiểm nghiệm vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa
 - Hóa đơn giá trị gia tăng (HĐ GTGT)
 - Phiếu kế toán
- + *Phiếu nhập kho (Mẫu số 01- VT)*: nhằm xác nhận đầu nhập vào hàng ngày để làm căn cứ ghi Thẻ kho, thanh toán tiền hàng, xác định trách nhiệm với người có liên quan với kế toán.

Tất cả vật tư, công cụ dụng cụ nhập kho đều phải có phiếu nhập kho cụ thể, phiếu nhập kho phải thể hiện đầy đủ rõ ràng: ngày tháng nhập, số hóa đơn, mã vật tư, tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền và có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của những người liên quan

Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: lưu ở phòng quản lý vật tư
- Liên 2: giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng và chuyển lên kế toán để kế toán ghi vào sổ
- Liên 3: kèm theo hóa đơn để thanh toán.

+ *Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)*: nhằm theo dõi lượng đầu xuất kho cho từng đầu xe, làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất giá thành vận tải...

Căn cứ vào giấy đề nghị lĩnh vật tư, sau khi xem xét tính hợp lệ của phiếu, bộ phận quản lý xét duyệt, chuyển tới kế toán để viết phiếu xuất.

Trên phiếu xuất kho phải ghi đầy đủ ngày tháng, họ tên người lĩnh, đơn vị lĩnh, tên vật tư, quy cách, số lượng.

2.2.3. Tài khoản sử dụng tại công ty

Công ty sử dụng tài khoản 152 , 153,154 để hạch toán hàng tồn kho.

2.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.2.4.1. Cách tính giá nhập, xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

a) Cách tính giá nhập kho tại công ty

❖ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho:

Kế toán NVL, CCDC đánh giá vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho theo trị giá nhập kho thực tế:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá nhập} & & & & \\ \text{thực tế} & & & & \\ \text{NVL,CCDC} & = & \text{Giá} & + & \text{Các khoản} & - & \text{Các} \\ \text{mua ngoài} & & \text{mua} & + & \text{thuế không} & + & \text{Chi phí} & - & \text{khoản} \\ & & \text{thực tế} & & \text{được hoàn lại} & & \text{mua} & & \text{giảm trừ} \end{array}$$

Ví dụ 1: Theo hóa đơn GTGT số 0035294 (biểu 2.2) ngày 15/12/2016, công ty mua 1000 lít dầu DO 0.05%S tại công ty CP Vận Tải xăng dầu VIPCO, đơn giá 13.999đ/lít (chưa bao gồm thuế GTGT 10%) thanh toán bằng TGNH. Hàng được chuyển thẳng tới công ty không mất phí thu mua.

=> Giá nhập kho thực tế 1 lít dầu = giá mua thực tế = 13.999 đ/lít

Ví dụ 2: Căn cứ vào hóa đơn số 0000595 (biểu 2.12) ngày 6/12/2016, công ty mua 04 lớp ô tô 750-16 với đơn giá 2.318.182đ/chiếc (chưa bao gồm VAT 10%). Doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt.

=>Giá nhập kho thực tế 1 chiếc lớp = giá mua thực tế = 2.318.182đ/chiếc

b) Cách tính giá xuất kho tại công ty:

Công ty TNHH Tân Việt Cường tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá đơn vị bình} & & \text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập} \\ \text{quân sau mỗi lần} & = & \\ \text{nhập} & & \hline & & \text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập} \end{array}$$

Ví dụ 3: Ngày 18/12/2016, Công ty TNHH Tân Việt Cường xuất 60 lít dầu DO.05%S cho xe 15C-3564. Căn cứ vào PNK34 ngày 17/12/2016, kế toán tính giá xuất kho dầu ngày 18/12 như sau:

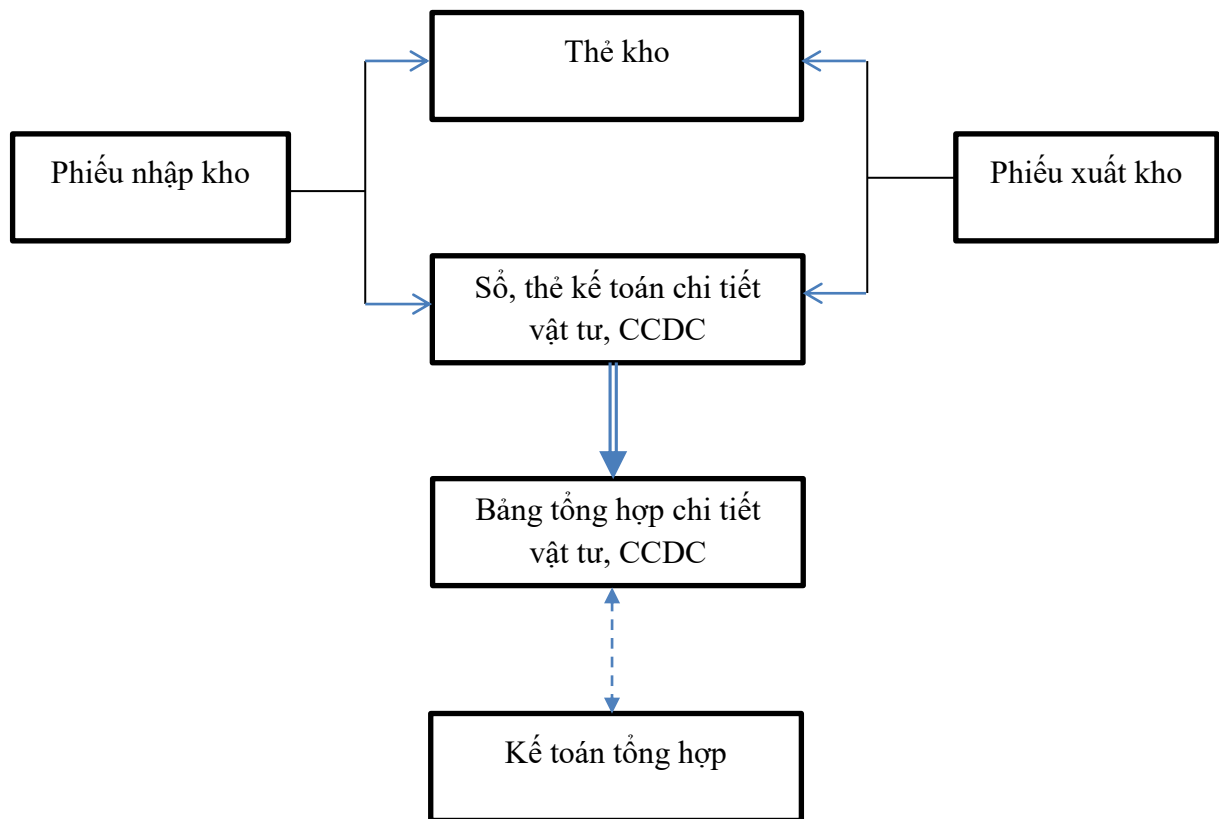
- Số lượng dầu tồn kho sau lần nhập 17/12/2016 = 2049 lít
 - Trị giá dầu tồn kho sau lần nhập 17/12/2016 = 27.979.095 đồng
- ⇒ Đơn giá xuất kho thực tế dầu/lít = 27.979.095 : 2049 = 13.655 đồng/lít.

Ví dụ 4: Ngày 29/12/2016, công ty xuất 2 lớp ô tô 750-16 cho xe 15C-8148. Căn cứ vào PNK27 ngày 6/12/2017, kế toán tính lại đơn giá xuất kho ngày 29/12/2017 như sau:

- Số lượng lớp tồn kho sau lần nhập 6/12/2016 = 4 chiếc
- Trị giá lớp tồn kho sau lần nhập 6/12/2016 = 9.272.728
- ⇒ Đơn giá xuất kho lớp thực tế = $9.272.728 : 4 = 2.318.182$ đồng/chiếc.

2.2.4.2. Phương pháp hạch toán chi tiết NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Tại công ty TNHH Tân Việt Cường hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song (Sơ đồ 2.4) như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ hoặc cuối tháng
- <-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường

- ❖ Ở kho: Căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất kho, thủ kho phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thủ kho kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý của chứng từ và ghi vào các thẻ kho tương ứng. Cuối tháng thủ kho tính ra tổng nhập xuất tồn của từng vật tư, công cụ dụng cụ trên thẻ kho.
- ❖ Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất kho kế toán phải kiểm tra chứng từ, ghi đơn giá và tính tiền trên các chứng từ nhập xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ, sau đó ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ. Cuối tháng kế toán cộng sổ thẻ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ. Sau đó đối chiếu số liệu bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ với sổ cái TK 152, 153.
- ❖ Tiếp ví dụ 1: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0035294 (Biểu số 2.2), ban kiểm nghiệm kiểm tra vật tư, công cụ dụng cụ mua về và ghi vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.3), từ đó có các chứng từ và sổ sách có liên quan:
 - Phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)
 - Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.10),
 - Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.11)
 - Phiếu ủy nhiệm chi (Biểu số 2.5)
 - Giấy báo nợ của ngân hàng (Biểu 2.6)
 - Thẻ kho (Biểu 2.9)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0035294

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0035294		
Ngày 15 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Vận tải VIPCO					
Địa chỉ : Phan Bội Châu, Quang Trung, Ngô Quyền, Hải Phòng.					
Số tài khoản :					
0541001555378.....					
Điện thoại : Fax:..... MST: 0200650291					
Họ và tên người mua hàng: Vũ Công Bình.....					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG					
Địa chỉ: Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: Số tài khoản: 431101000063					
Hình thức thanh toán: TGNH MST: 0200507301					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Dầu DO 0.05S	Lít	1000 ,00	13.999	13.999.000
Cộng tiền hàng:					13.999.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.399.900	
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.398.900
Tổng tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu ba trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
tên)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số: 32

Căn cứ HD0035294 ngày 15 tháng 12 năm 2016

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông / Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: kế toán TSCĐ, CCDC
và vật tư

Ông / Bà: Vũ Công Bình Chức vụ: nhân viên phòng
GN-VC

Ông / Bà: Hà Văn Giang Chức vụ: thủ kho

Đã kiểm nghiệm các loại:

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách	SL không đúng quy cách	
1	Dầu DO 0.05S			Lít	1000 ,00	1000 ,00		

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Tất cả số lượng dầu mua nhập kho đều đúng quy cách

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Đại diện kỹ thuật
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Trưởng ban
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho 32

Công ty TNHH Tân Việt Cường

Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,

Huyện

An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày..15..tháng.12...năm..2016....

Số : PNK32

Nợ...152

Có....112

- Họ và tên người giao: Vũ Công Bình – phòng Giao nhận, vận chuyển

- Theo....HĐ.GTGT...số... 0076425...ngày.15..tháng....12.năm.2016....của.... Cửa hàng xăng dầu VIPCO Nhập tại kho: ...Kho công ty.....địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu DO 0.05S	76425	Lít	1000 ,00	1000 ,00	13.999	13.999.000
	Cộng	x	x	X	X	x	13.999.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): mười ba triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:01.....

Ngày..15..tháng.12...năm..2016..

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)
(Ký, họ tên)


(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.5 : Ủy nhiệm chi của Ngân hàng

ỦY NHIỆM CHI			
 <p>AGRIBANK <small>Mang phồn thịnh đến khách hàng</small></p>		<p>PAYMENT ORDER Ngày: 16/12/2016</p>	
Chi nhánh An Dương – Hải Phòng		Số:09	
Số tiền: 15.398.900VND		Phí ngân hàng	
Bằng chữ: Mười năm triệu ba trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng.		Đã bao gồm phí	✓ Chưa bao gồm phí
Người yêu cầu: Công ty TNHH Tân Việt Cường		Người hưởng: Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO	
Tài khoản: 431101000063		Tài khoản: 0541001555378	
Tại ngân hàng: Agribank chi nhánh An Dương, Hải Phòng		Tại ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng	
Nội dung: thanh toán tiền mua dầu DO 0.05%S			
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.6: Giấy báo nợ của ngân hàng

GIẤY BÁO NỢ			
Ngày 16/12/2016			
 <i>Mang phồn thịnh đến khách hàng</i>	Mã GDV : Nguyễn thị Giang	Mã KH : 53321	Số GD : 09
Kính gửi : CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG Mã số thuế: 0200507301			
Hôm nay chúng tôi xin báo cáo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:			
Số tài khoản ghi Nợ: 431101000063			
Số tiền bằng số: 15.398.900VND			
Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu ba trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng.			
Nội dung: trả tiền mua dầu DO 0.05%S			
Giao dịch viên		Kiểm soát	
NGÂN HÀNG AGRIBANK			
SỔ PHỤ		Số: 00009	
Ngày 16 tháng 12 năm 2016			
Tài khoản: 431101000063			
CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG			
DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	số dư đầu ngày		32.000.000
Chi tiền mua dầu DO	Tổng số phát sinh ngày	15.398.900	
	Số dư cuối ngày		16.601.100
Giao dịch viên		Kiểm soát	

- ❖ **Tiếp ví dụ 3:** Phòng vật tư có nhu cầu về dầu DO0.05%S sẽ lập Giấy đề nghị cung cấp vật tư (Biểu 2.7), thông qua sự xét duyệt tính hợp lệ của ban quản lý, giấy đề nghị cung cấp vật tư sẽ được chuyển xuống phòng kế toán. Kế toán lập Phiếu xuất kho 115/12 (Biểu số 2.8), Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.10) và Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.11), Thủ kho sẽ ghi vào thẻ kho (Biểu 2.9),

Biểu số 2.7: Giấy đề nghị cung cấp vật tư

Công ty TNHH Tân Việt Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

cung cấp vật tư

Kính gửi: Ban Giám đốc

Phòng: giao nhận- vận chuyển

Bộ phận:lái xe 15C-3564 đề nghị giám đốc công ty duyệt cấp loại vật tư sau:

STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng
1	Dầu DO 0.05%S	NL_DO 0.05	Lít	60	Chạy xe chở hàng cho công ty TNHH Việt Hoa

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

Phòng GN – VC
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc công ty
(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 115/12

Công ty TNHH Tân Việt Cường
 Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
 BTC
 Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số 02- VT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: P XK115/12

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Nợ TK: 154

Có TK 152

Họ tên người nhận: Vũ Công Bình xe 15C- 3564

Theo yêu cầu xuất: Ngày 18 tháng 12 năm 2016 của bộ phận lái xe

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu DO 0.05%S	NL_DO 0.05	Lít	60	60	13.655	819.300
	Cộng						<u>819.300</u>

Tổng số tiền viết bằng chữ: Tám trăm mười chín ngàn ba trăm đồng.

Chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu **gười nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ
 tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.9: Thẻ kho

Công ty TNHH Tân Việt Cường Thôn Quỳnh
Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải
Phòng

Mẫu số S09 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2016

Tờ số: 24

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Dầu DO 0.05%S

- Đơn vị tính: lít.....Mã số: NL_DO0.05

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ				843	
...
7	15/12	PNK32		Mua dầu DO0.05%S	15/12	1000			
...
9	16/12		PXK109/12	Xuất dầu DO0.05%S	16/12		50		
...
13	17/12	PNK34		Mua dầu DO0.05%S	17/12	500			
14	17/12		PXK114/12	Xuất dầu DO 0.05%S	17/12		65		
15	18/12		PXK115/12	Xuất dầu DO 0.05%S	18/12		60		
...
				Cộng phát sinh		14.811	13.941		
				Cộng cuối kỳ				1.713	

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.10. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty TNHH Tân Việt Cường Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,

Mẫu số S07 – DNN

Huyện An Dương, TP. HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2016

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Dầu DO 0.05%S

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): NL_DO0.05

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ							843	11.060.160
...
PNK32	15/12	Mua dầu DO 0.05%S	112	13.999	1000	13.999.000			3.584	50.172.416
...
PXK 109/12	16/12	Xuất dầu DO0.05%S cho xe 15C - 6425	154	13.549			50	677.450	2.459	33.316.991
...
PNK34	17/12	Mua dầu DO 0.05%S	112	13.655	500	6.827.500			2049	27.979.095
PXK 114/12	17/12	Xuất dầu DO 0.05%S cho xe 15C - 2650	154	13.655			65	887.575	1.984	27.091.520
PXK 115/12	18/12	Xuất dầu DO 0.05%S cho xe 15C - 3564	154	13.655			60	819.300	1.924	26.272.220
...
		Cộng SPS			14.811	195.716.686	13.941	184.160.610		
		Số dư cuối kỳ							1.713	22.616.236

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.11. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, TP. HP

Mẫu số S08 - DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Dầu DO0.05%S	11.060.160	195.716.686	184.160.610	22.616.236
	Cộng	11.060.160	195.716.686	184.160.610	22.616.236

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

(ký, họ tên)

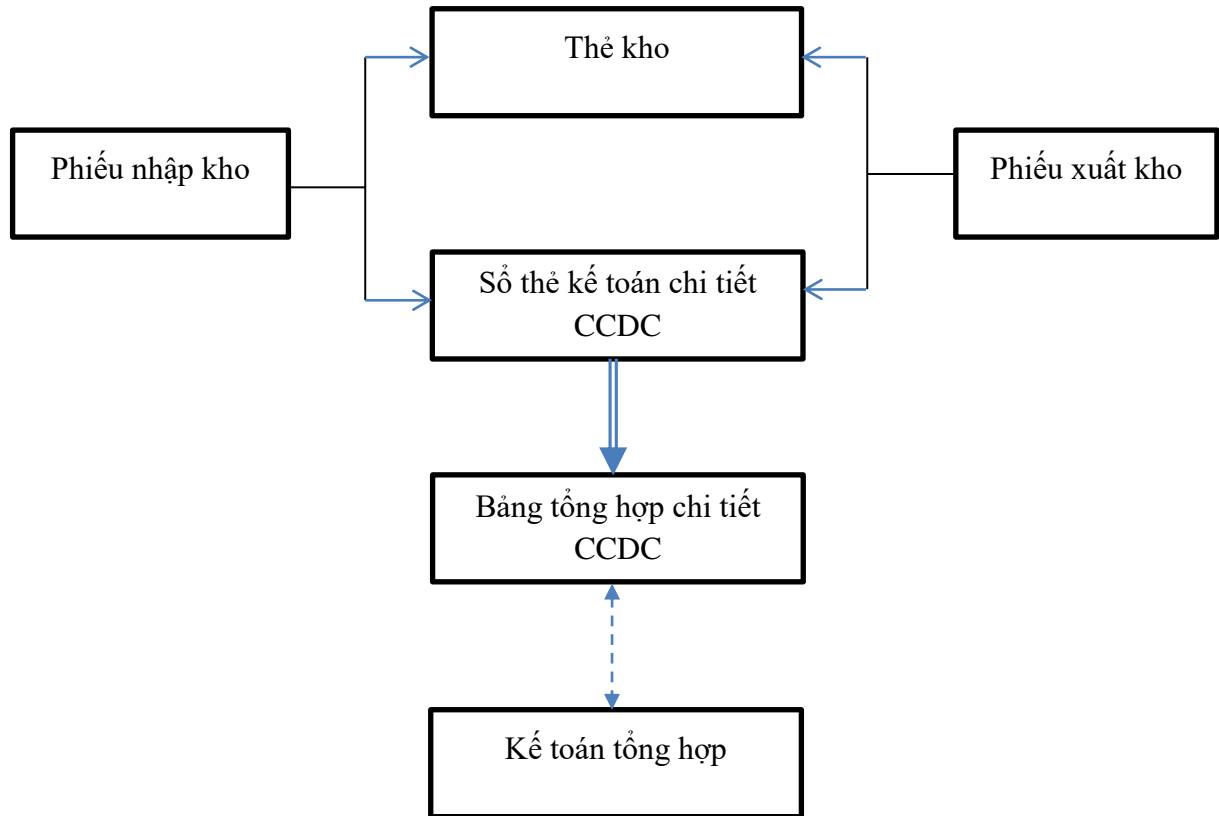
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán chi tiết CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Trình tự ghi các sổ chi tiết công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Tân Việt Cường được thể hiện theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ hoặc cuối tháng
- <-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 2.5 : Sơ đồ kế toán chi tiết CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường

❖ **Tiếp ví dụ 2:** Căn cứ vào Hóa đơn GTGT0000595 (Biểu số 2.12) về việc mua lốp xe của công ty, ban kiểm nghiệm sẽ lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa số 25(Biểu số 2.13), từ đó có các chứng từ, sổ sách liên quan:

- Phiếu nhập kho 27 (Biểu số 2.14)
- Phiếu chi 6/12 (Biểu 2.15)
- Thẻ kho (Biểu 2.9)
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.10)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.11)

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000595		
Ngày 6 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH GIA TRUNG					
Địa chỉ : Số 19 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại : Fax:..... MST: 0200650291					
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Văn Sáng.....					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG.....					
Địa chỉ: Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM MST: 0200507301					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Lốp ô tô 750- 16	chiếc	04	2.318.182	9.272.728
Cộng tiền hàng					9.272.728
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		927.272
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.200.000
Tổng tiền viết bằng chữ: Mười triệu hai trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.13: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
 Ngày 6 tháng 12 năm 2016
Số: 25

Căn cứ HD0000595 ngày 26 tháng 12 năm 2016

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông / Bà: Nguyễn Văn Sáng Chức vụ: Phòng GN-VC

Ông / Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: kế toán TSCĐ, CCDC và vật tư

Ông / Bà: Hà Văn Giang Chức vụ: thủ kho

Đã kiểm nghiệm các loại:

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách	SL không đúng quy cách	
1	Lốp ô tô 750- 16	L750-16		Chiếc	04	04		

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Tất cả số lượng lớp mua nhập kho đều đúng quy cách

Ngày 6 tháng 12 năm 2016

Đại diện kỹ thuật
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Trưởng ban
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.14: Phiếu nhập kho 37

Công ty TNHH Tân Việt Cường

Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,

Huyện

An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày..6..tháng.12...năm..2016....

Số.....PNK27.....

Nợ...153

Có....1111.

- Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Sáng – phòng giao nhận, vận chuyển
- Theo....HĐ.GTGT...số 0000595.....ngày.26..tháng....12.năm.2016....của CÔNG TY TNHH GIA TRUNG Nhập tại kho: ...Kho công ty.....địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền					
				Theo chứng từ	Thực nhập							
A	B	C	D	1	2	3	4					
1	Lốp ô tô 750- 16	L750-16	chiếc	04	04	2.318.182	9.272.728					
Cộng							X	x	x	x	x	9.272.728

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:01.....

Ngày..6..tháng.12...năm..2016..

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.15: Phiếu chi 09/12

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo thông tư
200/2014/TT- BTC ngày
24/12/2014 của BTC)
Quyển số:.....

PHIẾU CHI

Ngày 6 tháng 12 năm 2016

Số: PC09/12

Nợ...153:9.272.728

Nợ TK 133: 927.272

Có 1111:10.200.000.

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Sáng

Địa chỉ: Phòng giao nhận công ty

Lý do chi: Thanh toán tiền mua lớp ô tô HD 0000595

Số tiền: 10.200.000

(Viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:..01... chứng từ gốc

Ngày 6 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(ký, họ tên, đóng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

dấu)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

❖ **Tiếp ví dụ 4:** Khi có nhu cầu thay mới lốp ô tô, bộ phận giao nhận - vận chuyển viết Giấy đề nghị cung cấp vật tư (Biểu số 2.16), thông qua sự xét duyệt của ban quản lý, giấy đề nghị cung cấp vật tư sẽ được chuyển tới kế toán lập Phiếu xuất kho 202/12 (Biểu số 2.17) và các chứng từ khác có liên quan:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.19)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.20)
- Thẻ kho (Biểu 2.18)

Biểu số 2.16: Giấy đề nghị cung cấp vật tư

Công ty TNHH Tân Việt Cường	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc																								
<p>GIẤY ĐỀ NGHỊ</p> <p>cung cấp vật tư</p>																									
Kính gửi: Ban Giám đốc																									
Phòng: giao nhận- vận chuyển																									
Bộ phận:lái xe 15C-8148 đề nghị giám đốc công ty duyệt cấp loại công cụ dụng cụ sau:																									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT</th> <th style="width: 22%;">Tên vật tư</th> <th style="width: 12%;">MS</th> <th style="width: 12%;">ĐVT</th> <th style="width: 12%;">SL</th> <th style="width: 34%;">Lý do sử dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>lốp ô tô 750- 16</td> <td>L750-16</td> <td>chiếc</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td>Lốp đã cũ mòn, cần thay mới</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng	1	lốp ô tô 750- 16	L750-16	chiếc	2	Lốp đã cũ mòn, cần thay mới													Ngày 29 tháng 12 năm 2016
STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng																				
1	lốp ô tô 750- 16	L750-16	chiếc	2	Lốp đã cũ mòn, cần thay mới																				
Người lập <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Phòng GN – VC <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Giám đốc công ty <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>																						

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.17: Phiếu xuất kho 202/12

Công ty TNHH Tân Việt Cường Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng				Mẫu số 02- VT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 29 tháng 12 năm 2016				Số: P XK202/12 Nợ TK: 242 Có TK 153			
- Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Nam - Theo yêu cầu xuất: Ngày 29 tháng 12 năm 2016 của bộ phận lái xe - Xuất tại kho: kho công ty							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành
				Chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	lốp ô tô 750- 16	L750-16	chiếc	2	2	2.318.182	4.636.36
	Cộng						4.636.36
Tổng số tiền viết bằng chữ: bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm sáu mươi bốn đồng. Chứng từ gốc kèm theo:							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)			

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.18: Thẻ kho

Công ty TNHH Tân Việt Cường Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, TP. Hải Phòng

Mẫu số S09 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2016

Tờ số: 25

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: lốp ô tô 750- 10

- Đơn vị tính: lít.....Mã số: L750-10

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
								<u>1</u>	
...	
2	6/12	PNK27		mua lốp ô tô 750- 16	6/12	4		4	
3	13/12		PXK98/12	xuất lốp ô tô 750- 16	13/12		1	3	
...
5	29/12		PXK202/12	xuất lốp ô tô 750- 16	29/12		2	0	
				Cộng phát sinh		4	5		
				Cộng cuối kỳ				<u>0</u>	

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.19. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, TP. HP

Mẫu số S07 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2016

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Lớp ô tô 750- 16

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): L750-16

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ							<u>1</u>	<u>2.318.182</u>
...
PNK27	6/12	Mua lớp ô tô 750- 16	111	2.318.182	4	9.272.728			4	9.272.728
PXK98/12	13/12	Xuất lớp ô tô 750- 16	154	2.318.182			1	2.318.182	3	6.954.546
...
PXK202	29/12	Xuất lớp ô tô 750- 16	242	2.318.182			2	4.636.364	0	
		Cộng SPS			4	9.272.728	5	11.590.910		
		Số dư cuối kỳ							<u>0</u>	<u>0</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu 2.20. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, TP. HP

Mẫu số S08 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

Tài khoản: 153
Tháng 12 năm 2016

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	lốp ô tô 750- 16	2.318.182	9.272.728	11.590.910	0
2	Bộ đồ kim khí Hando HY-T21		0	3.700.000	0
3	Bộ cờ lê 1108MR	400.000	0	400.000	0

	Cộng	3.058.000	13.432.910	16.490.910	<u>0</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

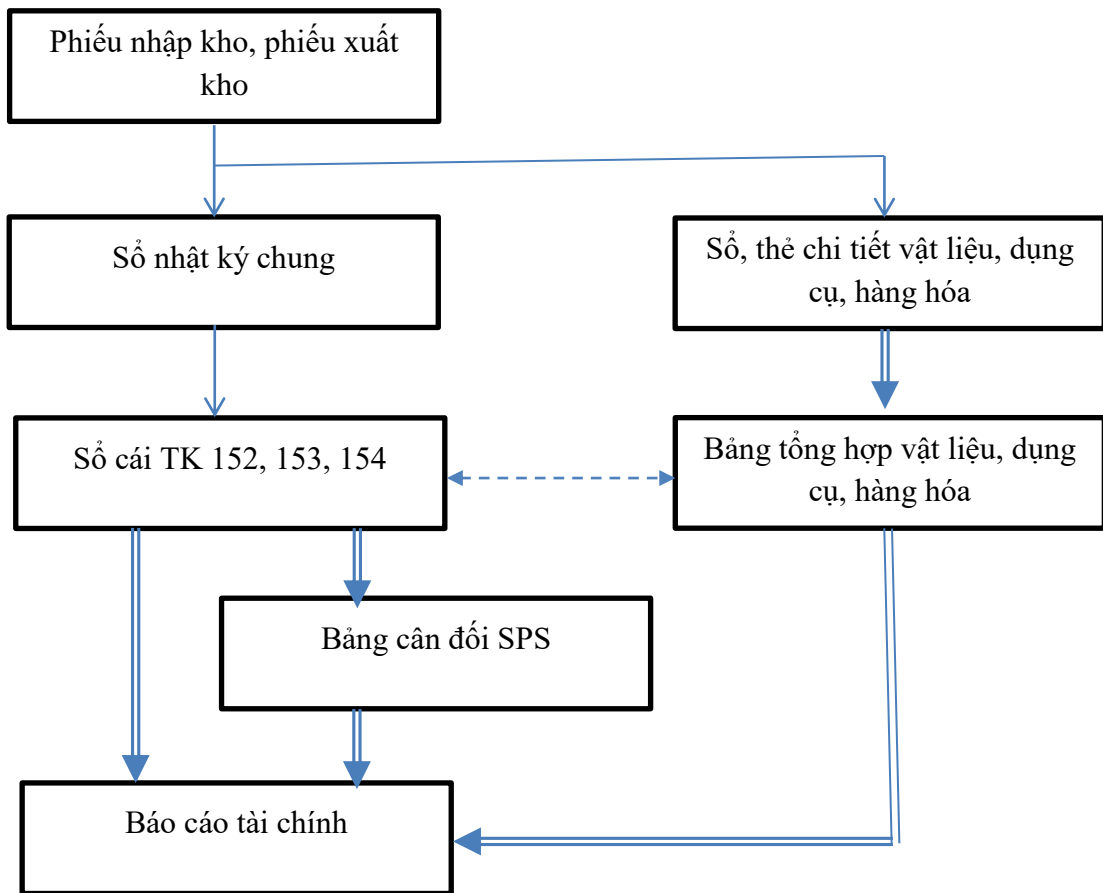
Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

2.2.5: Thực tế hạch toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.2.5.1. Quy trình hạch toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ hoặc cuối tháng
- ⇔ Đối chiếu

Sơ đồ 2.6 : Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường

2.2.5.2. Thực tế hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Tân Việt Cường

a) Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 152,153

b) Ví dụ hạch toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty TNHH Tân Việt Cường
Căn cứ vào PNK32 (Biểu 2.4), P XK115/12 (Biểu 2.8), PNK27 (Biểu 2.14) và P XK202/12 (Biểu 2.17) ghi Nhật ký chung (Biểu 2.21). Từ Nhật ký chung ghi sổ cái TK 152 (Biểu 2.22) và TK 153 (Biểu 2.23)

Biểu số 2.21 : Trích trang Sổ Nhật kí chung

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
03/12	PKT05/12	03/12	Cước vận chuyển Cty TNHH Nam Hoa	131	511	6.380.000	5.800.000
					3331		580.000
....
06/12	PC08/12	06/12	Thanh toán lương T11	334	111	132.840.000	132.840.000
6/12	PC09/12 PNK27	6/12	Mua lốp ô tô 750-16	153		9.272.728	
				133		9.272.272	
					111		10.200.000
....
08/12	PT18/12	08/12	Thu tiền vận chuyển công ty TNHH Bao Bì Hồng Phát	1111	511	16.005.000	14.550.000
					3331		1.455.000
08/12	PNK29	08/12	Mua dầu chưa thanh toán	152		4.273.182	
				1331		427.318	
					331		4.700.500
....
10/12	PC16/12	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642		1.000.000	
				1331		100.000	
					111		1.100.000
10/12	PC17/12 GBC15	10/02	Nộp tiền mặt vào ngân hàng	112		300.000.000	
					111		300.000.000
....
15/12	PNK32	15/12	Thanh toán tiền dầu theo HĐ 0035294	152		13.999.000	
				1331		1.399.900	
					112		15.398.900
16/12	PC19/12	16/12	Thanh toán tiền điện văn phòng T11	642		1.863.178	
				1331		186.318	
					111		2.049.496
....
18/12	PXK 115/12	18/12	Xuất dầu cho xe 15C-3564	154		819.300	
					152		819.300
....
29/12	PXK 202/12	29/12	Xuất lốp ô tô cho xe 15C-8148	242		4.636.364	
					153		4.636.364
....
			Tổng cộng			41.370.640.056	41.370.640.056

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.22 : Trích Sổ cái Tài khoản 152

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, Tp. Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
152 – Nguyên liệu, vật liệu
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ tháng 12		11.060.160	
...
13/12	PXK 93/12	13/12	Xuất dầu cho xe 15C-3077	154		863.420
...
15/12	PNK 32	15/12	Thanh toán tiền dầu theo HĐ0035294	112	13.999.000	
...
18/12	PXK 115/12	18/12	Xuất dầu cho xe 15C- 3564	154		819.300
....
22/12	PXK 158/12	22/12	Xuất dầu cho xe 15C- 8453	154		715.430
....
			Cộng số phát sinh tháng 12		195.716.686	184.160.610
			Số tồn cuối kỳ tháng 12		<u>22.616.236</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.23 : Trích Sổ cái Tài khoản 153

Công ty TNHH Tân Việt Cường

Mẫu số S03b- DNN

Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Huyện An Dương, Tp. Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN
153 – Công cụ dụng cụ
Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ tháng 12		<u>3.058.000</u>	
...
6/12	PNK 27	6/12	Mua lốp ô tô 750- 16	111	9.272.728	
...
13/12	PXK 35	13/12	Xuất bộ đồ kim khí Hando HY-T21	154		3.700.000
....
28/12	PXK 201/12	28/12	Xuất bộ cờ lê 1108MR			400.000
29/12	PXK 202/12	29/12	Xuất lốp ô tô 750- 16	242		4.636.364
....
			Cộng số phát sinh tháng 12		13.432.910	16.490.910
			Số tồn cuối kỳ tháng 12		<u>0</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

2.2.5.3. Thực tế hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại công ty TNHH Tân Việt Cường

a) Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty:

- Phiếu kế toán

b). Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 154

c). Ví dụ: Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh vào phiếu kế toán (Biểu 2.24)

Biểu 2.24 : Phiếu kế toán số 08/12

Công ty TNHH Tân Việt Cường
 Huyện An Dương, Tp. Hải Phòng
 Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,

Số: 08/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh tháng 12/2016	632		401.056.248			
			154	401.056.248			
	Cộng						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.21 : Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
6/12	PC12/08	6/12	Thanh toán lương T11	334	111	132.000.000	132.000.000
6/12	PC12/09 PNK27	6/12	Mua lốp ô tô 750-16	153 133	111	9.272.728 9.272.272	10.200.000
....
08/12	PNK29	08/12	Mua dầu chưa thanh toán	152 1331	331	4.273.182 427.318	4.700.500
....
10/12	PC16/12	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642 1331	111	1.000.000 100.000	1.100.000
10/12	PC17/12 GBC15	10/02	Nộp tiền mặt vào ngân hàng	112	111	300.000.000	300.000.000
....
15/12	PNK32	15/12	Thanh toán tiền dầu theo HĐ 0035294	152 1331	112	13.999.000 1.399.900	15.398.900
16/12	PC29/12	16/12	Thanh toán tiền điện văn phòng T11	642 1331	111	1.863.178 186.318	2.049.496
....
18/12	PXK 115/12	18/12	Xuất dầu cho xe 15C-3564	154	152	792.540	792.540
....
29/12	PXK 202/12	29/12	Xuất lốp ô tô cho xe 15C-8148	242	153	4.636.364	4.636.364
....
31/12	PKT08/12	31/12	Kết chuyển chi phí SXKD tháng 12/2016	632	154	401.056.248	401.056.248
....
			Tổng cộng			41.370.640.056	41.370.640.056

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

Biểu số 2.25 : Trích Sổ cái Tài khoản 154

Công ty TNHH Tân Việt Cường
Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn,
BTC

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

Huyện An Dương, Tp. Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ tháng 12		0	
...	
13/12	PXK 35	13/12	Xuất bộ đồ kim khí Hando HY-T21	153	3.700.000	
...	
18/12	PXK 115/12	18/12	Xuất dầu cho xe 15C-3564	152	792.540	
...	
27/12	PXK 198/12	27/12	Xuất dầu cho xe 15C-3564	152	843.520	
...	
31/12	PKT12	31/12	K/c chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	632		401.056.248
			Cộng số phát sinh tháng 12		401.056.248	401.056.248
			Số tồn cuối kỳ tháng 12		0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tân Việt Cường)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Tân Việt Cường trong thời gian tới

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế và trước những biến động của nền kinh tế, Công ty TNHH Tân Việt Cường có những định hướng giai đoạn 2017-2020 cụ thể như sau:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động
- Nâng cao năng lực quản lý toàn diện, đầu tư các nguồn lực, đặc biệt là đầu tư cho con người và môi trường làm việc.
- Xây dựng thương hiệu của công ty, mở rộng khách hàng.
- Xây dựng nền tài chính lành mạnh
- Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống và giữ người lao động.

3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Tân Việt Cường.

Qua thời gian tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán của công ty, đặc biệt là công tác kế toán hàng tồn kho, em thấy nhìn chung kế toán hàng tồn kho của công ty có một số ưu điểm và hạn chế sau:

3.2.1. Ưu điểm trong công tác quản lý hàng tồn kho tại công ty

❖ Về công tác quản lý:

Tổ chức bộ máy Công ty TNHH Tân Việt Cường về mặt quản lý, công ty thực hiện theo cơ cấu trực tuyến, mục tiêu phấn đấu của công ty là tinh giảm bộ máy quản lý để đổi mới nâng cao trình độ quản lý, tăng hiệu suất làm việc đạt tới trình độ cao nhất. Trình độ nghiệp vụ của các cán bộ quản lý ngày càng được nâng cao. Điều này chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Trong hoạt động kinh doanh, công ty

đã thực hiện xuất sắc các kế hoạch và những nhiệm vụ đề ra trong từng thời kỳ cụ thể.

❖ Về bộ máy kế toán:

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh, công ty lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung. Với mô hình này, mọi việc chủ yếu của kế toán đều được thực hiện trong phòng kế toán tạo điều kiện cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, từ đó thực hiện kiểm tra và chỉ đạo được một cách sát sao các hoạt động của toàn doanh nghiệp. Nhìn chung việc tổ chức bộ máy kế toán tại công ty là hợp lý và có hiệu quả. Bao gồm những nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Do đó một người có thể đảm nhận nhiều công việc kế toán khác nhau mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết cho việc quản lý, điều hành và giám sát tình hình hoạt động của công ty. Công ty đã tinh giảm được bộ máy kế toán, tiết kiệm được lao động cho công ty.

❖ Về việc áp dụng chế độ ghi chép ban đầu:

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, công ty đã nhanh chóng chuyển đổi áp dụng chế độ kế toán mới vào hạch toán. Nó cho phép phản ánh đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đáp ứng nhu cầu cơ chế quản lý mới, yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Mặt khác, công ty đã thực hiện đúng các quy định về chế độ ghi chép ban đầu trên các chứng từ, các chứng từ nhập, xuất,... Việc sử dụng chứng từ, trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo chứng từ lập ra có cơ sở thực tế giúp cho quá trình hạch toán hàng xuất – nhập – tồn kho được kịp thời, cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế cho các bên có liên quan.

❖ Về hình thức sổ kế toán:

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức ghi sổ có mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời

điểm trên sổ Nhật ký chung phù hợp với mô hình kế toán tập trung tại công ty TNHH Tân Việt Cường.

❖ Về công tác kế toán hàng tồn kho:

Công ty TNHH Tân Việt Cường áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đây là phương pháp dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu, tính toán đơn giản.

Mặt khác, với đặc điểm vận động của hàng tồn kho trong công ty là tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ... diễn ra hàng ngày và rất nhiều nên việc lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp hàng tồn kho có ưu điểm hơn. Nó cho phép nhận biết một cách thường xuyên tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trong công ty.

❖ Về khâu sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu thì các bộ phận có nhu cầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ làm phiếu xin lĩnh nguyên vật liệu. Sau khi xem xét tính hợp lệ của phiếu, bộ phận quản lý xét duyệt. Do vậy, nguyên vật liệu được cung cấp một cách kịp thời cho hoạt động thương mại.

3.2.2. Hạn chế trong công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công ty gặp không ít những khó khăn trong công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty như sau:

❖ Công tác kiểm kê hàng tồn kho chưa được thực hiện một cách đều đặn theo hàng tháng nên tình trạng bị mất mát, hao hụt có thể xảy ra, do đó quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho chưa được chặt chẽ.

❖ Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong khi thị trường đang không ngừng biến động, hàng lưu kho có thể bị thiệt hại cả về số lượng lẫn chất lượng. Điều này dẫn đến làm tăng rủi ro cho công ty trong quá trình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ,...

❖ Về việc luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban không có biên bản giao nhận nên rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra tình

trạng này không biết quy trách nhiệm cho ai gây khó khăn cho kế toán trong việc vào sổ sách, kiểm tra.

❖ Hiện nay công ty chưa áp dụng được phần mềm kế toán để phục vụ công tác kế toán nên vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

❖ Về việc dự trữ và bảo quản nhiên liệu và công tác phòng cháy chữa cháy:

Để đảm bảo cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp được liên tục, không bị gián đoạn và sử dụng tiết kiệm vốn thì cần dự trữ nhiên liệu, công cụ dụng cụ ở mức cần thiết. Thực tế, công ty đã có 3 téc bơm dầu lớn đã kịp thời cung ứng nhiên liệu cho các phương tiện nhưng công tác bảo quản cũng như mức đảm bảo an toàn chưa tốt.

Do đặc tính khí hậu Việt Nam về mùa hè rất khắc nghiệt, do đặc tính xăng dầu dễ cháy nhưng Công ty TNHH Tân Việt Cường vẫn chưa làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy vì hệ thống chữa cháy vẫn còn thô sơ, thậm chí không quy củ, không có đủ dụng cụ, thiết bị chữa cháy khi không may có hỏa hoạn xảy ra.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.

Hiện nay, công tác tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường chưa được hoàn thiện gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển.

Hàng tồn kho là tài sản lưu động của doanh nghiệp, là tiền đề cho một doanh nghiệp có thể phát triển mạnh, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ cũng như mục tiêu của mình. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả của hàng tồn kho không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những khó khăn tồn tại.

3.3.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện

Điều quan trọng nhất đối với doanh nghiệp là yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán nói chung và đặc biệt là công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng. Chính vì vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường

3.3.3.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên định kỳ hoặc đột xuất kiểm kê hàng tồn kho

Kiểm kê hàng tồn kho định kỳ giúp doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng kiểm soát và quản lý được số lượng thực tế lượng đầu còn tồn lại trong kho. Mỗi tháng, công ty TNHH Tân Việt Cường nên kiểm kê lượng vật tư còn tồn trong kho một lần không những để phát hiện những gian lận, sai sót trong quản lý kho mà còn xác định được lượng vật tư tiêu thụ trong kỳ.

Mẫu biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm hàng hóa được khái quát trên biểu số 3.1:

Biểu số 3.1: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

CÔNG TY TNHH TÂN VIỆT CƯỜNG

Mẫu số 05-VT

Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện
An Dương, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày ...tháng ... năm ...

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông / Bà.....

Chức vụ:

Trưởng ban

Ông / Bà:

Chức vụ:

Ủy viên

Ông / Bà:

Chức vụ:

Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

st t	Tên nhã n hiệu quy các h, vật tư, dụng g cụ	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					S L	Thàn h tiền	S L	Thàn h tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100 %	Ké m phẩ m chất	Mát phẩ m chất
									S L	Thàn h tiền	S L	Thàn h tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng														

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Trưởng ban
(ký, họ tên)

3.3.3.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ,...) thật sự có ý nghĩa với công ty TNHH Tân Việt Cường bởi lẽ đặc thù xăng dầu rất dễ bị thiệt hại, hao hụt và giá cả trên thị trường không ổn định. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho công ty bình ổn giá vật tư, công cụ dụng cụ trong kho. Việc này đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng trong công tác kiểm tra, kiểm toán trong công ty TNHH Tân Việt Cường.

Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng trích từ năm trước.
- Có bằng chứng về các vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư, hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập BCTC} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh lệch giảm giá} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array}$$

Tài khoản 159 (1593): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Ví dụ: Tại thời điểm lập BCTC, Số dư đầu năm của TK 159 là 1.500.000.

Doanh nghiệp có 1.713 lít dầu DO0.05%S trong kho, đơn giá tồn kho cuối kỳ của dầu = 13.203 đồng/lít. Cũng tại thời điểm này, giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu DO0.05% là 12.745 đồng/lít. Doanh nghiệp cần trích một khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} &= 1.713 \times (13.203 - 12.745) \\ &= 784.554 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

- ❖ Kế toán hạch toán như sau:
- ✓ Cuối kỳ, kế toán năm 2015, kế toán lần đầu tiên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ghi:

Nợ TK 632: 1.500.000

Có TK 159: 1.500.000

- ✓ Vì số dự phòng phải lập năm 2016 < số dự phòng đã trích từ năm 2015, kế toán hoàn lại phần chênh lệch:

Nợ TK 159: 715.446

Có TK 632: 715.446

3.3.3.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên mở sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ.

Để tránh tình trạng mất mát chứng từ xảy ra, công ty TNHH Tân Việt Cường nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ, các bên giao và nhận ký vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ thì trách nhiệm sẽ được quy đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Từ đó công tác quản lý chứng từ của công ty chặt chẽ hơn, hơn nữa việc làm này cũng góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và với công việc của toàn công ty nói chung.

Biểu 3.2 : Sổ giao nhận chứng từ tại công ty TNHH Tân Việt Cường
SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày... đến ngày ... Tháng...năm....

Ngày, tháng trên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

3.3.3.4. Ý kiến thứ tư: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán

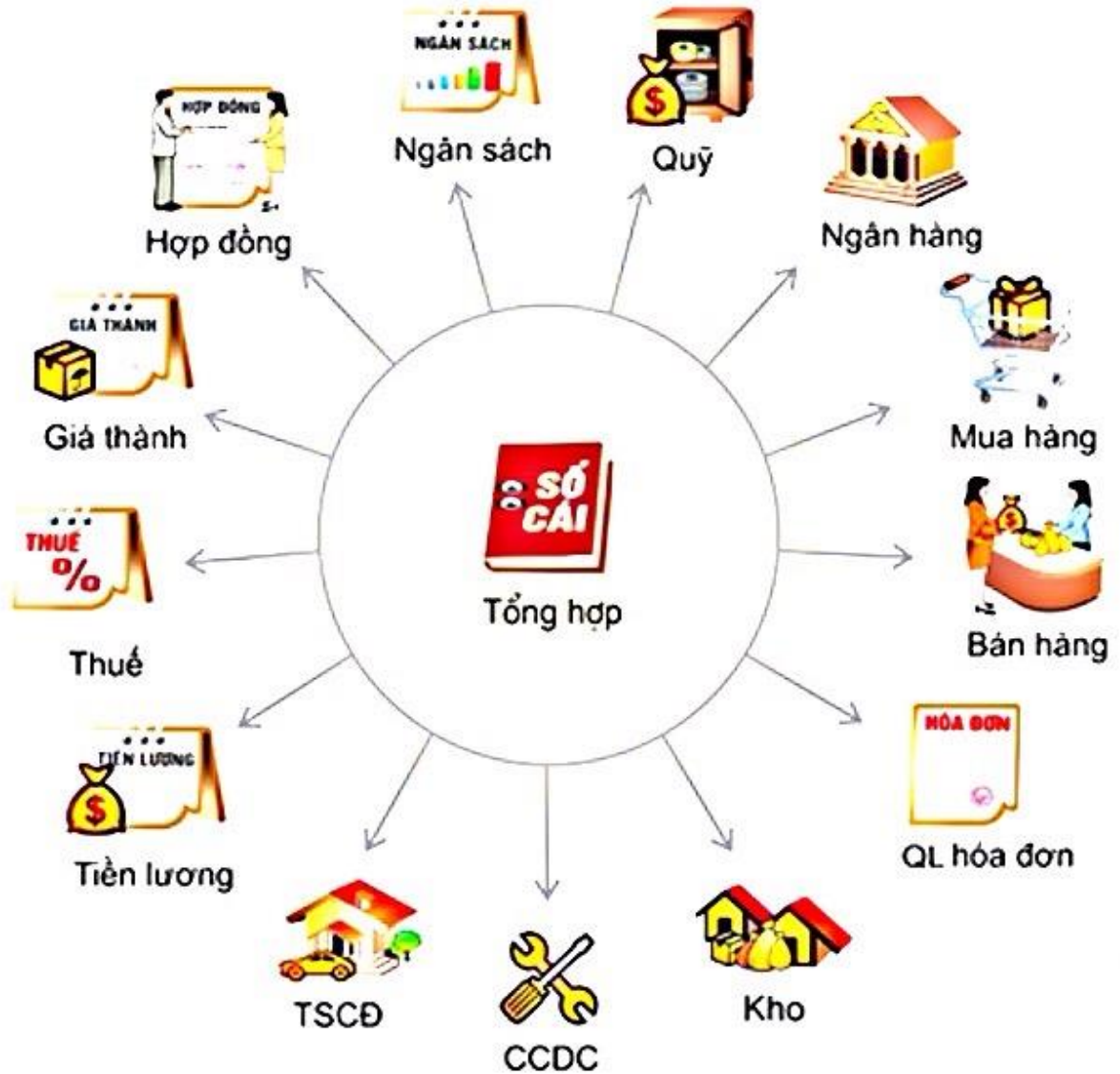
Trong khi trước đây nếu kế toán viên cộng số sai thì tất cả các báo cáo tài chính có liên quan đều phải xem xét và lập lại từ đầu mà thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất đến vài ngày có khi tới vài tuần để hoàn thành thì hiện nay với sự trợ giúp của các phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian bỏ ra vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Ngoài ra, công tác kế toán thủ công thông thường yêu cầu rất nhiều nhân sự làm kế toán nhưng đối với phần mềm kế toán thì chỉ cần một kế toán viên là có thể hoàn thành được công việc. Phần mềm kế toán được lập trình tự động hóa hoàn toàn nên các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo được rút ngắn đi rất nhiều giúp công ty tiết kiệm tối đa các khoản chi phí về nhân sự và thời gian.

Ngoài ra, công ty TNHH Tân Việt Cường có các phòng ban đều được trang bị đầy đủ máy vi tính cho mỗi công nhân viên, điều này rất thuận lợi cho việc ứng dụng và phát triển phần mềm kế toán vào công tác hạch toán giúp giảm thiểu sai sót đến mức thấp nhất, tiết kiệm thời gian và công sức cho nhân viên và cho công ty.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với mô hình kinh doanh của công ty mà công ty có thể tham khảo như: MISA, Smart pro, LinkQ,...

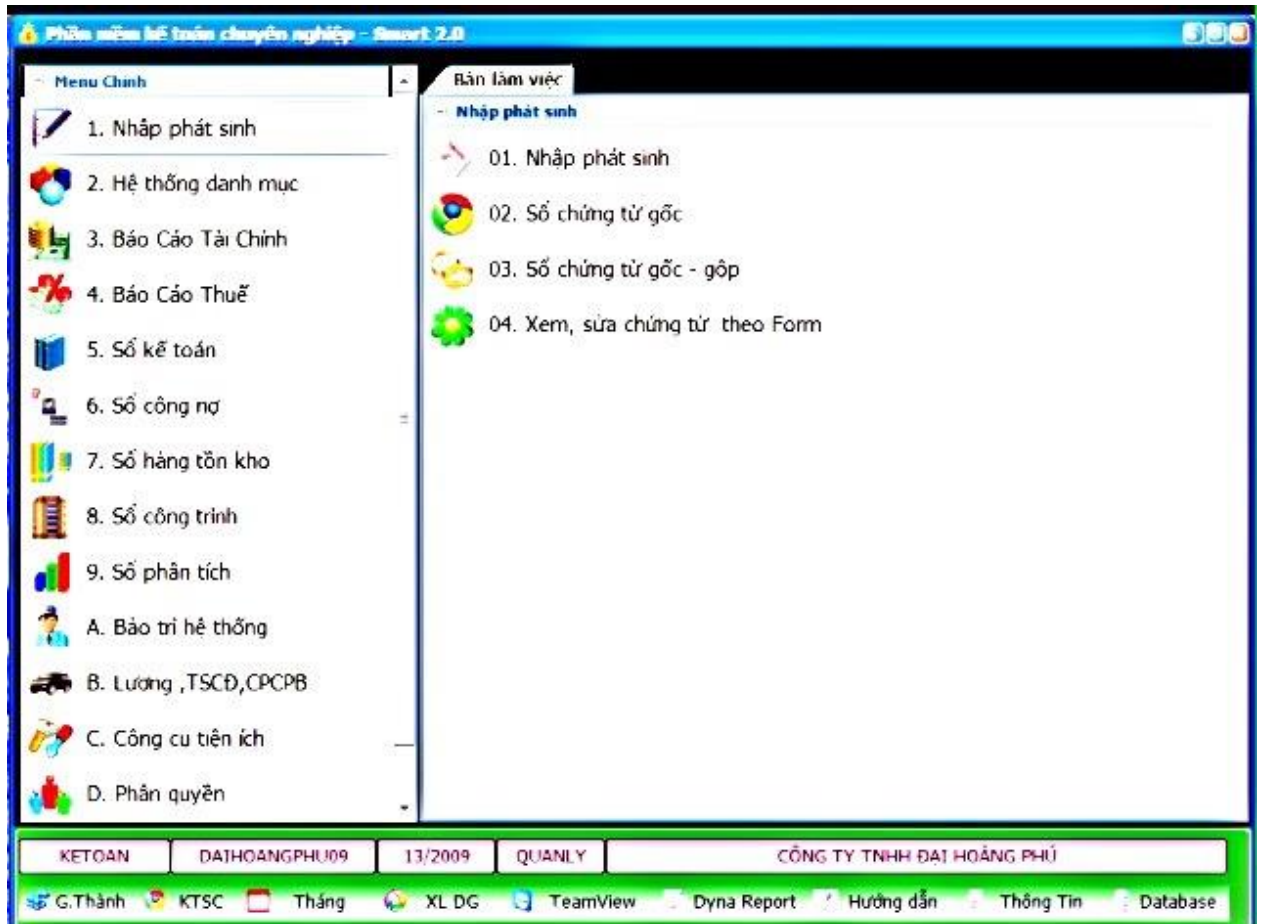
- ✓ **Phần mềm kế toán MISA:** đây hiện đang là phần mềm kế toán được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần kế toán cũ.
 - Giao diện đẹp, đơn giản, dễ sử dụng, triển khai dễ dàng, nhanh chóng.
 - Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng được yêu cầu quản lý của đơn vị, bổ sung phân hệ Thủ quỹ, thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
 - Các dữ liệu trong MISA đảm bảo độ chính xác, phần trăm xảy ra sai sót tương đối thấp.
 - Tính bảo mật rất cao.

- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập dữ liệu nhanh gấp 3 lần.
- Giá cả phù hợp, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đầu tư.



✓ **Phần mềm kế toán LinkQ:**

- Phần mềm kế toán LinkQ là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.
- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty – công ty thành viên, chi nhánh.
- Tính linh động, dễ sửa chữa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng 1 thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều hệ khác.
- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.
- Kết xuất dữ liệu ra bộ office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, Taxonline,...
- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7.



✓ Phần mềm kế toán Smart Pro

- Phần mềm kế toán đơn giản, dễ sử dụng, ít thao tác.
- Nhập dữ liệu nhanh, thao tác ngắn gọn trên một màn hình nhập dữ liệu. Nhập dữ liệu nhanh do áp dụng công nghệ màn hình nhập dữ liệu mà không chia theo phân hệ, dễ quản lý, bảo trì và nâng cấp cũng như chỉnh sửa theo biểu mẫu báo cáo mới của Bộ Tài Chính.



Công ty TNHH Tân Việt Cường nên sử dụng phần mềm MISA phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ được các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, TSCĐ, CCDC, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.

3.3.3.5. Ý kiến thứ năm: Công ty nên bố trí và quản lý các thiết bị và công cụ phục vụ cho quá trình phòng cháy chữa cháy

Do đặc tính xăng dầu rất dễ bay hơi, kể cả khi nhiệt độ xuống thấp, xăng dầu vẫn hóa hơi, kết hợp với oxy trong không khí tạo thành hỗn hợp nguy hiểm cháy, nổ khi bắt gặp nguồn lửa, nguồn nhiệt. Do đó công tác phòng cháy chữa cháy vô cùng quan trọng cần được chú trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân viên và công ty.

Công ty TNHH Tân Việt Cường đã cử cán bộ công nhân viên học những kỹ năng phòng cháy chữa cháy định kỳ 3 tháng một lần, có hệ thống ống nước và máy bơm gần kho chứa dầu, nhưng vị trí các bình chữa cháy vẫn chưa được sắp xếp hợp lý. Công ty TNHH Tân Việt Cường nên bố trí các khu chứa dụng cụ chữa cháy ở các vị trí khác nhau xung quanh kho chứa dầu để thuận lợi cho công tác sử dụng để chữa cháy, bảo trì cũng như quản lý được.

Công ty cũng nên nhập thêm để bổ sung lượng bình chữa cháy như:

- 1 bình chữa cháy công suất 4-A (lớn nhất)
- 6 bình chữa cháy công suất 3-A (trung bình).

KẾT LUẬN

Với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường” em đã hoàn thành chuyên đề với nội dung sau:

1. Về lý luận: Đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về hàng tồn kho và kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.
2. Về thực tiễn: đã phản ánh thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Tân Việt Cường trong năm 2016.
+ Đã đánh giá những ưu, nhược điểm của công ty trong công tác kế toán hàng tồn kho.

+ Đã đề xuất một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty:

- ✓ **Ý kiến thứ nhất:** Công ty nên định kỳ hoặc đột xuất kiểm kê hàng tồn kho.
- ✓ **Ý kiến thứ hai:** Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- ✓ **Ý kiến thứ ba:** Công ty nên mở sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ.
- ✓ **Ý kiến thứ tư:** Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
- ✓ **Ý kiến thứ năm:** Công ty nên bố trí và quản lý các thiết bị và công cụ dụng cụ phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy.

Vì thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty có hạn và kiến thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương, các thầy cô giáo trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và cán bộ kế toán tại công ty TNHH Tân Việt Cường.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khóa luận tốt nghiệp của các anh (chị) khóa trên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.
2. Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, cũng như hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo Quyết định số 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
3. Số liệu tại công ty TNHH Tân Việt Cường năm 2016
4. Các tài liệu khác trên internet.